

Số: 195 /2025/CV-UPSC
No. 195 /2025/CV-UPSC

*Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 18, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**
**INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGES**

Kính gửi (To): - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City Stock Exchange

Công ty: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP (UPSC)

Company: UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (UPSC)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Head Office Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Quoc Tu Giam Ward, Dong Da District, Hanoi City, Vietnam.

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Phone: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Hạnh – Người được ủy quyền công bố thông tin.

Person in charge of information disclosure: Ms. Le Thi Hanh – Authorized person for information disclosure.

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Quoc Tu Giam Ward, Dong Da District, Hanoi City, Vietnam.

Điện thoại: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Phone: (024) 3 944 6666

Fax: (024) 3944 6969



Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Type of information disclosed:

☐ 24 hours ☐ 72 hours ☐ Irregular ☐ Upon request ☒ Periodic

Nội dung thông tin cần công bố:

Content of the disclosed information:

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP công bố **Báo cáo thường niên năm 2024.**

UP Securities Joint Stock Company hereby discloses the 2024 Annual Report.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn: <https://upstock.com.vn>

This information was published on the Company's electronic portal on March 18, 2025, at the following link: <https://upstock.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the disclosed information is accurate and fully accountable under the law for its content.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT website Cty;
- Lưu: HCNS.

Recipients:

- As addressed above
- Company's disclosure website
- Archives: HR & Admin

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
AUTHORIZED DISCLOSURE OFFICER



Lê Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP
UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số: 194 /2025/CV-UPSC

No. 194 /2025/CV-UPSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 18, 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024/ANNUAL REPORT 2024



I. THÔNG TIN CHUNG/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch /Trading name: Công ty Cổ phần Chứng khoán UP (UPSC) / *UP Securities Joint Stock Company (UPSC)*.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số /Business Registration Certificate No : 58/UBCK-GPHĐKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/7/2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18/7/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 06 năm 2024; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 09 năm 2024; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2024; Giấy phép điều chỉnh số 98/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0102311942 ngày 14/01/2025 thay đổi lần thứ 10 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. / *Business License No. 58/UBCK-GPHĐKD issued by the State Securities Commission on July 6, 2007; Amended License No. 80/GPĐC-UBCK issued on April 19, 2012; Amended License No. 116/GPĐC-UBCK issued on December 13, 2012 by the State Securities Commission; Amended License No. 56/GPĐC-UBCK issued on December 8, 2015 by the State Securities Commission; Amended License No. 07/GPĐC-UBCK issued on March 24, 2016; Amended License No. 28/GPĐC-UBCK issued on July 18, 2017; Amended License No. 100/GPĐC-UBCK issued on November 5, 2021; Amended License No. 43/GPĐC-UBCK issued on June 20, 2024; Amended License No. 69/GPĐC-UBCK*

issued on September 13, 2024; Amended License No. 94/GPĐC-UBCK issued on December 18, 2024; Amended License No. 98/GPĐC-UBCK issued on December 20, 2024. Enterprise Registration Certificate No. 0102311942, issued on January 14, 2025 (10th amendment) by the Business Registration Office - Hanoi Department of Planning and Investment.

- *Vốn điều lệ / Charter capital: 300.000.000.000 VND*
- *Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Owner's capital: 294.285.000.000 VND*
- *Địa chỉ / Address: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, Hà Nội/ 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Quoc Tu Giam Ward, Dong Da District, Hanoi City, Vietnam.*
- *Số điện thoại / Telephone: 024 3 944 6666*
- *Số fax / Fax: 024 3 944 6969*
- *Mã Chứng khoán (nếu có) / Securities code (if any): Không/No*
- *Website: www.upstock.com.vn.*
- *Quá trình hình thành và phát triển / Establishment and development process: Công ty Cổ phần Chứng khoán UP được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 7 năm 2007. Công ty đã có 11 lần thay đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh./ UP Securities Joint Stock Company was established and operates under Business License No. 58/UBCK-GPHĐKD dated July 6, 2007. The company has undergone 11 amendments to its business license.*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Business lines and locations of the business:

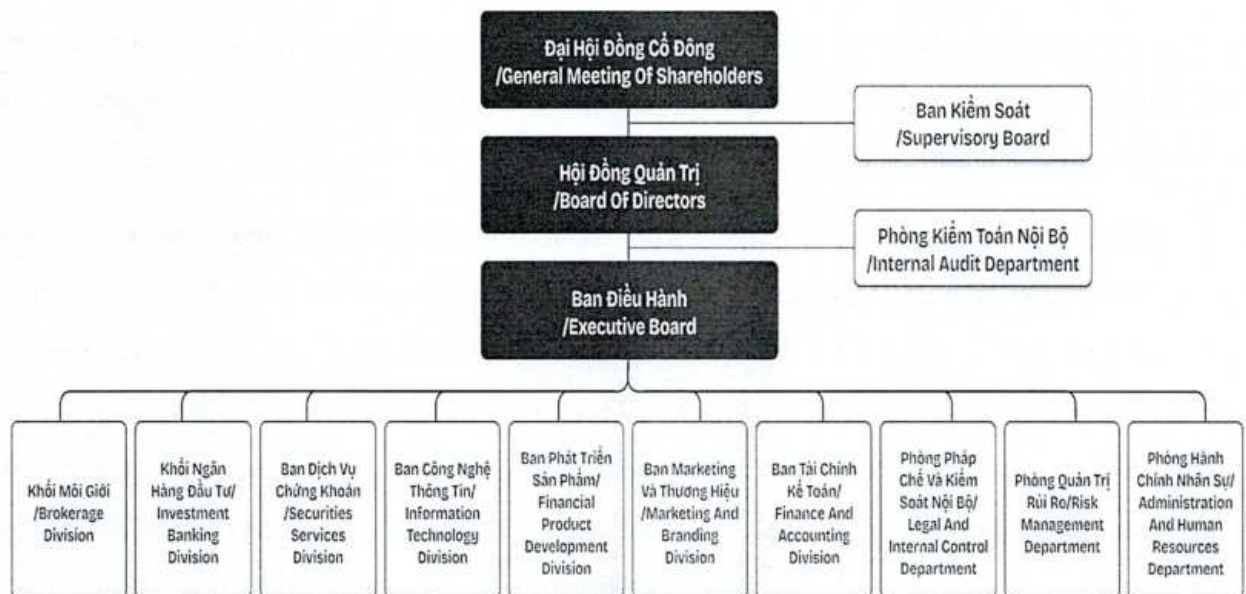
- *Ngành nghề kinh doanh / Business lines:*
 - *Môi giới chứng khoán;/ Securities Brokerage*
 - *Tự doanh chứng khoán;/ Proprietary Trading*
 - *Lưu ký chứng khoán;/ Securities Depository Services*
 - *Tư vấn đầu tư chứng khoán;/ Securities Investment Advisory*
 - *Tư vấn tài chính doanh nghiệp;/ Corporate Financial Advisory*
 - *Bảo lãnh phát hành chứng khoán./ Securities Underwriting*
- *Địa bàn kinh doanh / Locations of the business: Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, TP Hà Nội /The company's headquarters is located on the 8th floor, Hapro Building, No. 11B Cat Linh Street, Quoc Tu Giam Ward, Dong Da District, Hanoi City, Vietnam.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

– Mô hình quản trị/ *Governance model*:

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần tại điểm a khoản 1 điều 137, có cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các Khối/Ban/Phòng ban nghiệp vụ/ *UP Securities Joint Stock Company operates under the joint-stock company model as specified in Point a, Clause 1, Article 137, with an organizational structure consisting of: the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Supervisory Board, the Executive Board, and the functional departments/units.*

– Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure* :



– Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không có/ *None*

4. Định hướng phát triển / *Development orientations*

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

Công ty hướng tới trở thành công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu, cung cấp các giải pháp tài chính đầu tư hiện đại phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư cá nhân. Thông qua đổi mới liên tục và nâng cao chất lượng dịch vụ, công ty hướng đến tăng trưởng bền vững và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính./ *The company aims to become a leading retail securities firm, providing modern financial investment solutions tailored to the needs of individual investors. By continuously innovating and enhancing service quality, the company strives to achieve sustainable growth and maintain a competitive edge in the financial market.*

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

Công ty tập trung đầu tư vào công nghệ, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm tài chính sáng tạo nhằm xây dựng một hệ sinh thái đầu tư hiện đại và linh hoạt. Đồng thời, công ty ưu tiên mở rộng tệp khách hàng thông qua chiến lược xây dựng thương hiệu, truyền thông đa kênh và cung cấp trải nghiệm đầu tư cá nhân hóa cho thế hệ nhà đầu tư mới./The company focuses on investing in technology, digital transformation, and developing innovative financial products to build a dynamic and modern investment ecosystem. It also prioritizes expanding its customer base through strategic branding, multi-channel communication, and personalized investment experiences for the new generation of investors.

– Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty./Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

Công ty cam kết áp dụng công nghệ xanh, tối ưu hóa nguồn lực và giảm thiểu tác động đến môi trường nhằm đáp ứng xu hướng phát triển bền vững toàn cầu. Bên cạnh đó, công ty tích cực thúc đẩy giáo dục tài chính cho giới trẻ, hỗ trợ các sáng kiến đầu tư vì cộng đồng và xây dựng một môi trường tài chính minh bạch, có trách nhiệm và chuyên nghiệp./The company is committed to adopting green technology, optimizing resources, and minimizing its environmental footprint to align with global sustainability trends. Additionally, it actively promotes financial literacy for young investors, supports community-driven investment initiatives, and fosters a transparent, responsible, and professional financial environment.

5. Các rủi ro/ Risks:

– Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của IRS đó là / The risks that may affect the achievement of the UPSC objectives are as follows:

• **Rủi ro thị trường:** Là những rủi ro tác động đến thị trường chứng khoán, sự bất bình của môi trường kinh tế nói chung cũng như sụt giảm GDP, biến động lãi suất, tốc độ lạm phát thay đổi... những biến đổi này tác động đến sự dao động giá của các loại chứng khoán trên thị trường. Rủi ro thị trường xuất hiện do phản ứng của các nhà đầu tư đối với các thông tin, hiện tượng trên thị trường. Sự sụt giảm trên thị trường là nguyên nhân gây sợ hãi đối với nhà đầu tư và họ sẽ cố gắng rút vốn, phản ứng dây chuyền này làm tăng số lượng bán, giá cả của chứng khoán sẽ rơi xuống thấp so với giá trị hiện tại của nó. Khi đó, có khả năng giải chấp đồng loạt, thị trường sẽ giảm mạnh hơn nữa làm rủi ro thị trường tăng cao hơn./ Market risk: These are risks that affect the stock market, the uncertainty of the overall economic environment, as well as declines in GDP, fluctuations in interest rates, changes in inflation rates, etc. These changes impact the price

fluctuations of securities in the market. Market risk arises from investors' reactions to information and phenomena in the market. A market decline causes fear among investors, prompting them to withdraw their capital. This chain reaction increases the number of sales, causing securities prices to drop below their current value. At that point, there is a possibility of widespread margin calls, which could lead to an even sharper market decline, increasing market risk.

- **Rủi ro lãi suất:** Giá cả của các chứng khoán thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường gọi là rủi ro lãi suất. Giữa lãi suất thị trường và giá cả của chứng khoán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Khi lãi suất thị trường tăng, người đầu tư có xu hướng bán cổ phiếu để lấy tiền vào ngân hàng dẫn đến giá cổ phiếu giảm và ngược lại./ **Interest rate risk:** The prices of securities change due to the erratic fluctuations of market interest rates, known as interest rate risk. There is an inverse relationship between market interest rates and securities prices. When market interest rates rise, investors tend to sell stocks to deposit money in banks, which leads to a decrease in stock prices, and vice versa.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá chứng khoán, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu thường khi lãi suất tăng làm giá cổ phiếu giảm vì các nhà đầu cơ vay mua ký quỹ sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều công ty kinh doanh chứng khoán hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm chi phí vốn tăng./ *In addition to the direct consequences on securities prices, interest rates also indirectly affect stock prices. When interest rates rise, stock prices tend to fall because speculators who borrow on margin are affected. Many securities companies primarily operate with borrowed capital, so an increase in interest rates also raises their capital costs.*

- **Rủi ro sức mua:** Rủi ro sức mua là tác động của lạm phát tới các khoản đầu tư, lợi tức thực tế của chứng khoán đem lại là kết quả giữa lợi tức danh nghĩa sau khi khấu trừ đi lạm phát. Như vậy, khi có tình trạng lạm phát thì lợi tức thực tế giảm./ **Purchasing power risk:** Purchasing power risk refers to the effect of inflation on investments. The real return on securities is the nominal return after subtracting inflation. Therefore, when inflation occurs, the real return decreases.

- **Rủi ro kinh doanh:** Trong quá trình kinh doanh, định mức thực tế không đạt được như theo kế hoạch, lợi nhuận trong năm tài chính thấp hơn mức dự kiến. Rủi ro kinh doanh được cấu thành bởi yếu tố bên ngoài và yếu tố nội tại trong công ty. Rủi ro nội tại phát sinh trong quá trình công ty hoạt động. Rủi ro bên ngoài bao gồm những tác động nằm ngoài sự kiểm soát của công ty làm ảnh hưởng đến tình trạng hoạt động của công ty như chi phí tiền vay, thuế, chu kỳ kinh doanh./ **Business risk:** During business operations, actual performance may fail to meet the planned targets, and profits in the fiscal year may fall short of expectations. Business risk is composed of both external and internal factors within the company. Internal risks arise from the company's

operations, while external risks involve factors beyond the company's control, such as borrowing costs, taxes, and business cycles, which impact the company's operational status.

- **Rủi ro tài chính:** Rủi ro tài chính liên quan đến đòn bẩy tài chính, hay nói cách khác liên quan đến cơ cấu nợ của công ty. Sự xuất hiện các khoản nợ trong cấu trúc vốn sẽ tạo ra nghĩa vụ trả nợ trả lãi của công ty. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gồm trả nợ ngân hàng và trả nợ trái phiếu) trước việc thanh toán cổ tức cho cổ đông. / **Financial risk:** Financial risk relates to financial leverage, or in other words, the company's debt structure. The presence of debt in the capital structure creates obligations for the company to repay both the principal and interest. The company must fulfill its debt repayment obligations (including repaying bank loans and bond obligations) before paying dividends to shareholders.

- Rủi ro mang tính chủ quan thường tập trung vào đội ngũ nhân lực trong hoạt động Môi giới, Tự doanh của công ty chứng khoán, cụ thể. / **Subjective risk:** This risk typically focuses on the workforce involved in the brokerage and proprietary trading activities of securities companies, specifically:

- Khả năng nắm bắt thông tin, nhìn nhận thị trường. / The ability to capture information and assess the market.

- Khả năng phân tích tình hình doanh nghiệp, các yếu tố làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường. / The ability to analyze the financial situation of companies and the factors influencing business activities in the market.

- Khả năng đánh giá sự ảnh hưởng của các chính sách mà Nhà nước điều chỉnh nền kinh tế. / The ability to evaluate the impact of government policies regulating the economy.

- **Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh:** Các ảnh hưởng về môi trường, thiên tai, dịch bệnh đều ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động và các Nhà đầu tư, điều đó cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động dịch vụ kinh doanh của Công ty. / **Environmental, natural disaster, and epidemic risk:** Environmental influences, natural disasters, and epidemics directly affect the health of workers and investors, which in turn directly impacts the business operations of the company.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM / Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2024 là 27.799.235.685 đồng. Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh như sau / The total net business revenue of the entire Company in 2024 was 27,799,235,685 VND. Details for the business activities are as follows:



STT/No	Chỉ tiêu / Indicators	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
1	Tổng Doanh thu/Total Revenue	27.799.235.685	
2	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán/Revenue from securities brokerage activities	15.478.091.444	55,7%
3	Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)/Revenue from financial assets recorded through profit or loss (FVTPL)	4.111.376.593	14,8%
4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính/Revenue from financial advisory activities	4.480.755.460	16,1%
5	Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán/Revenue from securities investment advisory activities	745.796.621	2,7%
6	Doanh thu lưu ký chứng khoán/Revenue from securities depository activities	395.297.766	1,4%
7	Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu/Revenue from loans and receivables	1.951.570.653	7,0%
8	Doanh thu khác/Other revenue	636.347.148	2,3%

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch /Implementation situation/actual progress against the plan

STT/No.	Chỉ tiêu/Indicator	Năm/ Year 2024		Tỷ lệ hoàn thành Achievement Rate (%)
		Thực hiện/Actual	Kế hoạch/Plan	
1	Tổng giá trị tài sản/ Total asset value	334,496,957,063	346,737,308,635	96.47%
2	Vốn điều lệ/Charter capital	300,000,000,000	300,000,000,000	100.00%
3	Tổng doanh thu/Total revenue	27,799,235,685	21,920,620,920	126.82%
4	Doanh thu thuần/Net revenue	27,799,235,685	21,920,620,920	126.82%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Net profit from business activities	9,119,599,398	924,476,799	986.46%
6	Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	9,588,497,983	924,476,799	1037.18%

7	Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	9,588,497,983	739,581,440	1296.48%
7.1	Chi trả cổ tức / <i>Dividend payout</i>	Không / <i>none</i>	Không/ <i>none</i>	
7.2	Lợi nhuận để lại/ <i>Retained profit</i>	9,588,497,983	739,581,440	1296.48%

Năm 2024 là năm đầy biến động và khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, mặt khác các yêu cầu về thay đổi công nghệ, đáp ứng yêu cầu cấp tập thử nghiệm hệ thống giao dịch chứng khoán KRX của Cơ quan quản lý, song song với việc duy trì ổn định về tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý hiệu quả các khoản chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực đã giúp Công ty đạt lợi nhuận sau thuế thực tế năm 2024 là 9.588.497.983 VNĐ, đạt 1296.48% so với kế hoạch. Tổng giá trị tài sản năm 2024 đạt 96.47% so với kế hoạch. Trong năm, công ty không thực hiện trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Doanh thu thuần thực hiện trong năm 2024 đạt gần 28 tỷ, tương ứng đạt 126.82% so với kế hoạch đề ra. ✓

The year 2024 was a year full of fluctuations and difficulties for the economy in general and the stock market in particular. On the other hand, the demands for technological changes and the urgent need to test the KRX securities trading system as required by the regulatory authority, while simultaneously maintaining organizational stability, effectively managing costs, and optimizing resources, enabled the Company to achieve an actual after-tax profit in 2024 of 9,588,497,983 VND, reaching 1296.48% compared to the plan. The total asset value in 2024 reached 96.47% of the planned target. During the year, the Company did not allocate funds to the reserve fund for supplementing charter capital, the financial and operational risk reserve fund. The net revenue achieved in 2024 was nearly 28 billion VND, corresponding to 126.82% of the set plan.

2. Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource

– Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management:

Ban Điều hành do Tổng Giám đốc đứng đầu, chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các hoạt động hàng ngày của Công ty. Các Giám đốc Khối/Ban và Trưởng phòng nghiệp vụ hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công việc điều hành. Đến thời điểm 31/12/2024, Ban Điều hành gồm có : /*The Executive Board is led by the Chief Executive Officer (CEO), who is responsible for directly managing the company's daily operations. The Directors of Divisions/Departments and Heads of functional departments assist the CEO in the management tasks. As of December 31, 2024, the Executive Board includes:*

Ông NGUYỄN QUANG ĐẠT – Tổng Giám đốc từ tháng 06 năm 2024

Mr. NGUYỄN QUANG ĐẠT – CEO from June 2024

Ông NGUYỄN QUANG ĐẠT đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán tại các công ty chứng khoán, cũng như các định chế tài chính lớn. Ông có hiểu biết sâu rộng về thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời sở hữu kinh nghiệm quản lý, điều hành và phát triển kinh doanh tại các công ty chứng khoán lớn. / *Mr. NGUYỄN QUANG ĐẠT has over 15 years of experience in the Finance - Securities sector, working with major securities firms and financial institutions. He has extensive knowledge of the Vietnamese stock market, as well as experience in management, operations, and business development at leading securities companies.*

Ông TRẦN VĂN CHIẾN giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư từ ngày 26/12/2024. Trước đó, từ tháng 6/2024, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng.

Mr. Trần Văn Chiến has held the position of Deputy General Director in charge of Finance and Head of the Investment Banking Division since December 26, 2024. Previously, from June 2024, he served as Chief Financial Officer (CFO) and Chief Accountant.

Ông Trần Văn Chiến tốt nghiệp cử nhân Học viện Ngân hàng chuyên ngành Thị trường vốn năm 2002, sau đó học thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) tại CFVG Hà Nội (2015). Ông Chiến có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, từng đảm nhận các vị trí quản lý như Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc Khối KHDN tại Vietcombank, TPBank, SeABank. Sau đó, tham gia vai trò quản lý điều hành, phụ trách mảng tài chính và đầu tư tại các doanh nghiệp và công ty chứng khoán từ 2016 đến nay. / *Mr. Tran Van Chien graduated with a Bachelor's degree from the Banking Academy, majoring in Capital Markets, in 2002. He later earned a Master of Business Administration (MBA) from CFVG Hanoi in 2015. Mr. Chien has over 15 years of experience in the banking sector, having held various management positions such as Head of Corporate Customer Department, Branch Director, and Deputy Director of the Corporate Customer Division at Vietcombank, TPBank, and SeABank. Since 2016, he has taken on executive management roles, overseeing finance and investment at various enterprises and securities companies to the present day.*

– Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2024 như sau/Changes in the Board of Management:

- **Bà Trần Thị Thu Hương** giữ chức Tổng Giám đốc kiêm Thành viên thường trực HĐQT đến tháng 06/2024. / *Ms. Trần Thị Thu Hương held the position of CEO and Permanent Member of the Board of Directors until June 2024.*
- **Bà Nguyễn Thị Khanh** đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng đến tháng 07/2024. / *Ms. Nguyễn Thị Khanh served as Chief Accountant until July 2024.*
- **Ông Trần Đức Nam** giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính từ 30/06/2024 đến 12/12/2024. / *Mr. Trần Đức Nam held the position of Deputy CEO in charge of Finance from June 30, 2024, to December 12, 2024.*

– Số lượng cán bộ, nhân viên/ Number of staffs:

Tính đến thời điểm 31/12/2024, toàn bộ Công ty có 79 nhân viên gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ nhân viên. Cụ thể:/ *As of December 31, 2024, the company had a total of 79 employees, including the CEO, Deputy CEOs, Chief Accountant, and other staff. The details are as follows:*

- **Ban Điều hành:** 03 người
Executive Board: 03 people
- **Khối Môi giới:** 14 người
Brokerage Division: 15 people
- **Khối Ngân hàng đầu tư:** 07 người
Investment Banking Division: 07 people
- **Ban Dịch vụ chứng khoán:** 11 người
Securities Services Department: 11 people
- **Ban Công nghệ thông tin:** 13 người
Information Technology Department: 13 people
- **Ban Marketing và Thương hiệu:** 07 người
Marketing and Branding Department: 07 people
- **Ban Tài chính Kế toán:** 04 người
Finance and Accounting Department: 04 people
- **Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ:** 03 người
Legal and Internal Control Department: 03 people

- Phòng Quản trị rủi ro: 03 người

Risk Management Department: 03 people

- Phòng Hành chính nhân sự: 10 người

Administration and Human Resources Department: 10 people

- Bộ phận khác: 04 người

Other Departments: 04 people

- Công ty luôn coi trọng giá trị của nguồn nhân lực và tạo ra môi trường thuận lợi để thu hút những nhân sự có năng lực và trách nhiệm. Công ty tài trợ chi phí đào tạo chuyên môn cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ / *The company always values the importance of human resources and creates a favorable environment to attract capable and responsible personnel. The company sponsors the cost of professional training for employees to attend advanced training courses.*
- Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về lao động, bao gồm việc ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, xây dựng thỏa ước lao động tập thể, thực hiện các chế độ trợ cấp theo quy định trong Luật Lao Động, đảm bảo kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn, v.v / *The company strictly adheres to labor laws, including signing direct contracts with employees, establishing collective labor agreements, implementing allowances as prescribed in the Labor Law, ensuring the declaration and payment of personal income tax, social insurance, health insurance, unemployment insurance, trade unions, etc.*
- Công ty thực hiện chế độ khen thưởng và động viên người lao động một cách định kỳ hàng tháng, quý và năm. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các hoạt động văn hóa doanh nghiệp trong nội bộ nhân dịp lễ tết, nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và xây dựng văn hóa công ty / *The company implements a regular reward and motivation system for employees on a monthly, quarterly, and annual basis. Additionally, the company organizes internal corporate cultural activities on the occasion of holidays and festivals, aiming to enhance solidarity and build the company culture.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / *Investment activities, project implementation*

a. Các khoản đầu tư lớn / *Major investments:*

Trong năm 2024 Công ty không có khoản góp vốn với các tổ chức khác / *In 2024, the Company did not make any capital contributions with other organizations.*

b. Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries and affiliated companies:* Không có/none.

4. Tình hình tài chính / Financial situation

a. Tình hình tài chính / Financial situation:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2023	Năm/ Year 2024	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	315,215,735,123	334,496,957,063	6.12%
Doanh thu thuần/Net revenue	19,927,837,200	27,799,235,685	39.50%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Profit from business activities	880,433,454	9,119,599,398	935.81%
Lợi nhuận khác/Other profits	-40,000,000	468,898,585	1272.25%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	840,433,454	9,588,497,983	1040.90%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	664,346,763	9,588,497,983	1343.30%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác / Other figures: không có/none

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2023	Năm/ Year 2024	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn / Short term Asset/Short term debt	57,66	20,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn (Short term Asset – Inventories)/ Short term Debt	57,66	20,15	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,02	0,04	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	0,02	0,05	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	Không có /none	Không có /none	

+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	0,06	0,09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,03	0,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,002	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,002	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	0,04	0,33	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu / Shareholder Structure and Changes in Owner's Investment Capital

a. Cổ phần / Shares:

– Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành / Total number of shares and types of outstanding shares: 29.682.500 cổ phần/shares.

– Trong đó / In which:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do / Number of freely transferable shares: 29.682.500 cổ phần/ shares.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Number of restricted transferable shares: 0 cổ phần/ shares

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu / Changes in the owner's investment capital:

– Trong năm 2024 Công ty không có phát sinh sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu / In 2024, the Company did not incur any changes in the owner's investment capital

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ / Treasury stock transactions:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại/ Current number of treasury shares: 317.500 cổ phần/Shares
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm/ Treasury share transactions carried out during the year: không có/ None

d. Các chứng khoán khác/ Other securities: không có/ None

e. Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure:

TT/ No	Cổ đông/ <i>Shareholders</i>	Số lượng cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Giá trị (đồng)/ <i>Value (VND)</i>	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông tổ chức/ <i>Institutional shareholders</i>	675.000	6.750.000.000	2,25%
1	Tổ chức trong nước/ <i>Domestic organizations</i>	675.000	6.750.000.000	2,25%
2	Tổ chức nước ngoài/ <i>Foreign organization</i>	-	-	-
II.	Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	29.007.500	290.075.000.000	96,69%
1	Cá nhân trong nước/ <i>Domestic individuals</i>	29.007.500	290.075.000.000	96,69%
2	Cá nhân nước ngoài/ <i>Foreign individuals</i>	-	-	-
III.	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury stock</i>	317,500	3.175.000.000	1,06%
Tổng/ <i>Total</i>		30.000.000	300.000.000.000	100%

6. Báo cáo tách động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường /*Compliance with the law on environmental protection:*

- UPSC luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị xử phạt trong lĩnh vực môi trường/ UPSC always complies with environmental protection laws and has not been subject to any penalties in the environmental sector.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Công ty duy trì một đội ngũ lao động chất lượng cao với số lượng nhân viên phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh. Mức lương trung bình của người lao động được thiết kế cạnh tranh, đảm bảo công bằng và phản ánh đúng giá trị đóng góp của mỗi cá nhân/ *The company maintains a high-quality workforce with a suitable number of employees to meet business development needs. The average wage of workers is designed to be competitive, ensuring fairness and reflecting the contribution of each employee.*

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Công ty chú trọng đến việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động thông qua các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện, kiểm tra sức khỏe định kỳ, và môi trường làm việc an toàn. Công ty cũng cung cấp các phúc lợi bổ sung như chế độ nghỉ phép, bảo hiểm xã hội và các chương trình phúc lợi khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân viên/ *The company focuses on protecting the health and safety of employees through comprehensive health insurance policies, regular health check-ups, and a safe working environment. The company also provides additional benefits such as leave policies, social insurance, and other welfare programs to improve the employees' quality of life.*

c. Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

- Công ty cam kết phát triển kỹ năng cho nhân viên thông qua các chương trình đào tạo định kỳ. Mỗi năm, công ty tổ chức hàng nghìn giờ đào tạo, với số giờ đào tạo trung bình tăng dần theo từng cấp bậc nhân viên, từ nhân viên mới đến quản lý cấp cao./ *The company is committed to skill development for employees through regular training programs. Each year, the company organizes thousands of training hours, with the average training hours increasing according to the employee's level, from new hires to senior management.*
- Công ty cung cấp các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, giúp nhân viên phát triển nghề nghiệp lâu dài và duy trì khả năng cạnh tranh trong công việc. Các chương trình học tập liên tục cũng giúp nhân viên chuẩn bị sẵn sàng cho các cơ hội thăng tiến và thay đổi trong ngành tài chính, chứng khoán./ *The company offers training programs to enhance both professional skills and soft skills, helping employees develop long-term careers and maintain*

competitiveness in their roles. Continuous learning programs also prepare employees to be ready for career advancement opportunities and changes in the finance and securities industry.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương / Report on Responsibilities to the Local Community:

- Cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác an sinh luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên UPSC quan tâm, coi đó là trách nhiệm, tình cảm của mỗi cá nhân, với cộng đồng, với xã hội. An sinh xã hội thể hiện được tính nhân văn, bốn phận của con người, của xã hội đối với cộng đồng và góp phần để xây dựng nên một xã hội hài hòa, văn minh. / *Alongside promoting and expanding business activities, social welfare has always been a priority for the leadership, officers, and employees of UPSC. They regard it as both a responsibility and a heartfelt commitment to the community and society. Social welfare reflects human values, the duty of individuals and society toward the community, and contributes to building a harmonious and civilized society.*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC / Reports and assessments of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results

- Năm 2024 chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia đã được thúc đẩy nhanh chóng, nhưng hiệu quả chưa đạt kỳ vọng do lạm phát vẫn bị chi phối bởi nhiều yếu tố phức tạp. Các cuộc xung đột quân sự kéo dài như Nga - Ukraine và tình hình căng thẳng tại Trung Đông, tiếp tục gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến giá cả và tăng trưởng kinh tế. / *The year 2024 witnessed significant fluctuations in the global economic and geopolitical landscape. The trend of easing monetary policies in many countries was accelerated, but the effectiveness fell short of expectations due to inflation still being influenced by numerous complex factors. Prolonged military conflicts such as Russia-Ukraine and escalating tensions in the Middle East continued to disrupt global supply chains, impacting prices and economic growth.*
- Mặc dù gặp nhiều thách thức nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực khoảng 12%, thanh khoản cải thiện 23% so với năm 2023. Trong đó, Xu hướng tăng trưởng chính chủ yếu tập trung vào quý I. Phần còn lại của năm chứng kiến thị trường đi ngang với biên độ dao động khoảng 100 điểm, với ngưỡng kháng cự và hỗ trợ lần lượt

ở mức 1.300 điểm và 1.200 điểm. Năm 2024 cũng là năm có nhiều dấu ấn nổi bật về các thay đổi quan trọng trong chính sách tiền tệ và quản lý TTCK, cùng với làn sóng tăng vốn của các công ty chứng khoán như SSI, VCI, VIX, VND... đã huy động thêm gần 25.000 tỷ đồng để củng cố tiềm lực vốn cho kinh doanh, cho thấy sự chủ động nguồn lực và cơ sở để đón cơ hội tạo ra bước ngoặt phát triển mới của thị trường chứng khoán 2025. Nhưng bên cạnh đó, trong năm cũng chỉ có vốn 10 doanh nghiệp niêm yết mới, điều này cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp đưa cổ phiếu lên sàn niêm yết để quảng bá và tiếp cận kênh huy động vốn này đang quá nhỏ trong khi Việt Nam đang có trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động. /Despite numerous challenges, the Vietnamese stock market in 2024 still recorded positive growth of approximately 12%, with liquidity improving by 23% compared to 2023. The primary growth trend was concentrated in the first quarter. For the remainder of the year, the market moved sideways with a fluctuation range of about 100 points, with resistance and support levels at 1,300 points and 1,200 points, respectively. The year 2024 also marked significant milestones with important changes in monetary policy and stock market management, alongside a wave of capital increases by securities companies such as SSI, VCI, VIX, VND, etc., which collectively raised nearly 25,000 billion VND to strengthen their capital base for business operations. This demonstrated proactive resource mobilization and laid the foundation for seizing opportunities to create a new developmental breakthrough for the stock market in 2025. However, on the downside, only a mere 10 new companies were listed during the year, indicating that the proportion of businesses bringing their stocks to the listed market for promotion and access to this capital-raising channel remains extremely low, especially given that Vietnam currently has over 900,000 active enterprises.

- Với những ảnh hưởng từ thế giới, những thách thức từ thị trường, các thay đổi trong chính sách quản lý, nhưng công ty vẫn đạt được một số thành tựu nhất định/Amidst global influences, market challenges, and changes in regulatory policies, the Company still achieved certain notable accomplishments:

Nội dung / Content	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Tăng /Giảm Increase/Decrease	
			Giá trị/ Value	% chênh lệch/ difference
Doanh thu hoạt động/ Operating Revenue	19,904,218,809	27,767,025,425	7,862,806,616	39.50%

Nội dung / Content	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Tăng /Giảm Increase/Decrease	
			Giá trị/ Value	% chênh lệch/ difference
Chi phí hoạt động / Operating expenses	11,232,728,149	3,255,467,622	-7,977,260,527	-71.02%
Chi phí lãi vay / Interest expense	394,260,108	117,487,009	-276,773,099	-70.20%
Chi phí quản lý CTCK /Company Management Expenses	7,420,415,489	15,306,681,656	7,886,266,167	106.28%
Lợi nhuận sau thuế TNDN / Profit after tax	664,346,763	9,588,497,983	8,924,151,220	1343.30%

- Doanh thu hoạt động trong năm 2024 là 27.7 tỷ, tăng hơn 7,8 tỷ đồng tương ứng tăng 39.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Do trong năm, Công ty đã chú trọng đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán với mức tăng hơn 4.49 tỷ tương ứng gần 41% so với cùng kỳ; doanh thu từ lãi bán các tài sản tài chính tăng hơn 1.1 tỷ tương ứng tăng 38.49%. Ghi nhận tỷ lệ tăng ấn tượng 139.06% từ hoạt động cho vay ứng trước và vay margin. /Operating revenue in 2024 reached 27.7 billion VND, an increase of more than 7.8 billion VND, equivalent to a 39.5% rise compared to the same period last year. This was due to the Company's focus on enhancing securities brokerage activities, which saw an increase of over 4.49 billion VND, corresponding to nearly 41% growth compared to the same period; revenue from profits on the sale of financial assets rose by more than 1.1 billion VND, equivalent to a 38.49% increase. A remarkable growth rate of 139.06% was recorded from advance and margin lending activities.
- Trong khi đó, Chi phí hoạt động giảm gần 8.0 tỷ đồng, tương ứng giảm 71.02% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong kỳ Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu. /Meanwhile, operating expenses decreased by nearly 8.0 billion VND, corresponding to a 71.02% reduction compared to the same period last year, primarily because the Company reversed provisions for receivables during the period.
- Vì vậy, Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 là 9.5 tỷ đồng trong khi lợi nhuận sau thuế năm 2023 là hơn 0.6 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng hơn 8.9 tỷ đồng tương ứng tăng 1343.3% so với cùng kỳ năm ngoái. /As a result, the after-tax profit in 2024 was 9.5 billion VND, compared to an after-tax

profit of more than 0.6 billion VND in 2023, marking an increase of over 8.9 billion VND, equivalent to a 1343.3% surge compared to the same period last year.

2. Tình hình tài chính / Financial situation

a. Tình hình tài sản/ Assets

- Trên báo cáo tình hình tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2024 cho thấy cơ cấu tài sản của Công ty năm 2024 chủ yếu là tài sản ngắn hạn. Năm 2023 tài sản ngắn hạn chiếm 95,8% tổng tài sản. Năm 2024 tài sản ngắn hạn chiếm 89,96% trên tổng tài sản. Tài sản dài hạn năm 2023 chiếm 4,2% trong khi đó tài sản dài hạn năm 2024 chiếm 10,04% tổng tài sản. */The audited financial statement of the Company for 2024 shows that the Company's asset structure in 2024 primarily consists of short-term assets. In 2023, short-term assets accounted for 95.8% of total assets, while in 2024, they accounted for 89.96% of total assets. Long-term assets made up 4.2% in 2023, whereas in 2024, they accounted for 10.04% of total assets.*
- Tổng tài sản năm 2024 tăng hơn 19 tỷ đồng tương ứng tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm ngoái / *The total assets in 2024 increased by more than VND 19 billion, equivalent to a growth of over 6% compared to the same period last year.*

b. Tình hình nợ phải trả / Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ / *Current debts, major changes of debts.*
- Nợ phải trả năm 2024 là hơn 14.9 tỷ đồng, trong khi nợ phải trả năm 2023 là hơn 5.2 tỷ đồng. Do đó khoản nợ phải trả năm 2024 là tăng hơn 9.7 tỷ đồng so với năm 2023 tương ứng tăng 185% so với năm ngoái, chủ yếu là do trong năm 2024 có tăng khoản vay ngắn hạn 8.86 tỷ và khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng hơn 3.2 tỷ đồng. */ Liabilities in 2024 amounted to more than 14.9 billion VND, while liabilities in 2023 were over 5.2 billion VND. Therefore, liabilities in 2024 increased by more than 9.7 billion VND compared to 2023, equivalent to a 185% increase from the previous year, mainly due to an increase in short-term loans of 8.86 billion VND and an increase in short-term payables to suppliers of more than 3.2 billion VND in 2024.*
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes:

- Năm 2024 công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn nào / *In 2024, the Company did not record any overdue liabilities.*
- Nợ phải trả năm 2023 giảm 14 % so với năm 2022 chủ yếu do người mua trả tiền trước và chi phí phải trả ngắn hạn khác giảm / *Liabilities in 2023 decreased by 14% compared to 2022, primarily due to a reduction in advances from customers and other short-term accrued expenses..*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Trong năm 2024, Công ty vẫn xác định mục tiêu tiếp tục tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro. / *In 2024, the Company continues to set the goal of restructuring its organization towards a leaner and more efficient model, while strengthening risk management efforts.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

a. Định hướng về nhân sự / *Human Resource Orientation*

- Nhân sự tại UPSC cần có kỹ năng chuyên môn vững vàng, tư duy linh hoạt và khả năng thích ứng với môi trường làm việc năng động, cạnh tranh. Công ty ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao và luôn hướng tới sự phát triển chung của tập thể. / *UPSC employees must possess solid professional skills, a flexible mindset, and the ability to adapt to a dynamic and competitive work environment. The company prioritizes recruiting individuals with strong work ethics, a high sense of responsibility, and a commitment to collective development.*
- Môi trường làm việc tại UPSC được xây dựng dựa trên sự công bằng, minh bạch, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tối đa năng lực. Công ty hướng tới việc xây dựng một đội ngũ chuyên nghiệp, tận tâm với khách hàng, có tinh thần cống hiến và gắn kết lâu dài. / *UPSC fosters a fair and transparent working environment that enables employees to maximize their potential. The company aims to build a professional team that is dedicated to customer service, committed to excellence, and closely bonded with the company's long-term vision.*

b. Định hướng về dịch vụ / *Service Orientation*

- UPSC tập trung phát triển mạnh mẽ hai mảng dịch vụ cốt lõi: **Môi giới chứng khoán và tư vấn tài**

chính doanh nghiệp, với định hướng trở thành nhà môi giới tổ chức chuyên nghiệp và đáng tin cậy./UPSC focuses on developing two core services: **Securities Brokerage and Corporate Financial Advisory**, aiming to become a professional and reputable institutional broker.

- Công ty không chỉ cung cấp các dịch vụ tiêu chuẩn mà còn cá nhân hóa giải pháp tài chính theo đặc thù của từng nhóm khách hàng. UPSC hướng tới việc tạo ra sự khác biệt trong chất lượng dịch vụ, mang lại giá trị gia tăng bền vững cho nhà đầu tư./The company not only offers standardized services but also customizes financial solutions tailored to the specific needs of different customer segments. UPSC strives to create a distinctive service quality that delivers sustainable added value to investors.

c. Định hướng về chăm sóc khách hàng/ Customer Care Orientation

- Chính sách chăm sóc khách hàng của UPSC được chuyên nghiệp hóa theo từng nghiệp vụ, đảm bảo mang đến trải nghiệm tối ưu nhất. Công ty lấy **sự hài lòng và thành công của khách hàng làm thước đo chất lượng dịch vụ**, với phương châm **"Chăm sóc khách hàng từ TÂM"**./UPSC's customer care policy is professionalized according to each business function, ensuring the best possible experience. The company measures service quality by **customer satisfaction and success**, following the motto **"Customer Care from the Heart"**.
- UPSC coi khách hàng là một phần trong cộng đồng đầu tư của mình, nơi họ không chỉ được phục vụ mà còn có thể đóng góp và phát triển cùng công ty./UPSC considers customers as part of its investment community, where they are not only served but also have the opportunity to contribute and grow with the company.

d. Định hướng về công nghệ / Technology Orientation

- Công nghệ đóng vai trò trọng tâm trong chiến lược phát triển của UPSC. Công ty tập trung đầu tư vào **hệ thống giao dịch an toàn, bảo mật và tiện lợi**, đồng thời ứng dụng **AI và dữ liệu lớn** để nâng cao trải nghiệm khách hàng./Technology plays a key role in UPSC's development strategy. The company focuses on investing in **secure, reliable, and convenient trading systems**, while applying **AI and big data** to enhance customer experience.

e. Định hướng về thương hiệu/ Brand Orientation

- UPS xác định xây dựng thương hiệu dựa trên **uy tín, chất lượng dịch vụ và văn hóa doanh nghiệp vững mạnh**. Công ty hướng tới việc trở thành một trong những công ty chứng khoán **thân thiện, chuyên nghiệp và có bản sắc riêng** trên thị trường./ UPS builds its brand based on **reputation, professionalism and unique identity** in the market.

service quality, and a strong corporate culture. The company aims to become one of the most customer-friendly, professional, and uniquely positioned securities firms in the market.

- UPS không chỉ xây dựng thương hiệu của riêng mình mà còn gắn kết thương hiệu với thành công của khách hàng, khẳng định vị thế trên thị trường tài chính./*UPS not only develops its own brand but also associates it with client success, strengthening its position in the financial market.*

f. Định hướng về tài chính / Financial Orientation

- UPS ưu tiên sự **ổn định và bền vững** trong chiến lược tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn, duy trì thanh khoản và kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ./*UPS prioritizes **stability and sustainability** in its financial strategy, ensuring capital balance, liquidity maintenance, and strict risk control.*
- Công ty linh hoạt trong các chính sách tài chính để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường, đồng thời duy trì mức độ an toàn tài chính cao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn./*The company adopts flexible financial policies suited to different market phases while maintaining high financial security, providing a solid foundation for long-term growth.*

g. Định hướng về chính sách đãi ngộ / Compensation & Benefits Orientation

- UPSC xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, khuyến khích sự gắn bó và cống hiến của nhân viên. Công ty coi lợi ích của nhân viên, cổ đông và doanh nghiệp là một thể thống nhất, trong đó mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển tương xứng với sự đóng góp của mình./*UPSC establishes a fair compensation policy that encourages employee engagement and dedication. The company aligns the interests of employees, shareholders, and the business, ensuring that each individual has growth opportunities proportional to their contributions.*
- UPSC chú trọng việc tạo dựng **một tập thể vững mạnh**, nơi quyền lợi của đội ngũ cán bộ chủ chốt gắn liền với sự phát triển chung của công ty./*UPSC focuses on fostering **a strong collective**, where key personnel's benefits are closely tied to the company's overall success.*

h. Định hướng về văn hóa UPSC/ Corporate Culture Orientation

- UPSC xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, nhân văn, nơi mỗi cá nhân đều có động lực để phát triển và tự hào khi trở thành một phần của công ty./*UPSC cultivates a professional and human-centric corporate culture where each individual is motivated to grow and take pride in being part of the company.*
- Việc xây dựng văn hóa UPSC không chỉ là trách nhiệm của ban lãnh đạo mà còn là **sự nghiệp chung của cả tập thể**, hướng tới một môi trường làm việc tích cực, hiệu quả và giàu bản sắc./*Building*

*UPSC's culture is not only the responsibility of its leadership but also **a collective mission**, aiming for a positive, efficient, and distinctive working environment.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) / Management's Explanation Regarding the Auditor's Opinion (if applicable):

- Không có giải trình, do kiểm toán chấp thuận toàn bộ BCTC năm 2024 / *No explanation is required, as the auditor has fully approved the 2024 financial statements.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty / Evaluation Report on the Company's Environmental and Social Responsibilities

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): / *Assessment of Environmental Indicators (water consumption, energy use, emissions, etc.):* UPSC luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường / *UPSC consistently complies with environmental regulations.*
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: / *Assessment of Labor-Related Issues:* Luôn coi trọng nguồn nhân lực là yếu tố phát triển Công ty vì vậy UPSC đã làm tốt công tác phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công nhân viên. Các chế độ xã hội, chế độ chăm lo đời sống đối với người lao động cũng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để người lao động ổn định cuộc sống và yên tâm công tác. / *Recognizing human resources as a key factor in the company's growth, UPSC has effectively focused on workforce development and capacity building. Social benefits and employee welfare policies are implemented in full compliance with legal regulations, ensuring employees have stable lives and peace of mind at work.*
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: / *Assessment of Corporate Responsibility to the Local Community:* Công ty đã thực hiện tốt nhiều chương trình An sinh xã hội như: ủng hộ tiền và vật chất để giúp đỡ các bà con bị lũ lụt, hiến máu nhân đạo. / *The company has actively participated in various social welfare programs, such as donating money and goods to support flood-affected communities and organizing blood donation drives.*

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY / BOARD OF DIRECTORS' ASSESSMENT OF THE COMPANY'S OPERATIONS

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: / The Board of Directors' assessment of the Company's operations, including an evaluation of its environmental and social responsibilities**

- Trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, bất ổn mặc dù nền kinh tế trong nước đã có những tín hiệu phục hồi tích cực, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận những dấu ấn tích cực, thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng và sự ổn định trong hoạt động giao dịch. Với sự nỗ lực vượt bậc của toàn bộ tập thể Công ty cùng sự chỉ đạo, sát sao của các thành viên trong HĐQT, Công ty đã có kết quả kinh doanh tốt. HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả tốt trên các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty./In 2024, the global situation remained complex and unstable. Although the domestic economy showed positive signs of recovery, many difficulties and challenges persisted. However, the Vietnamese stock market recorded positive milestones, reflected in growth indices and stability in trading activities. With the outstanding efforts of the entire Company and the close guidance of the Board of Directors (BOD) members, the Company achieved strong business results. The BOD actively collaborated with a high sense of responsibility to make accurate and timely decisions, ensuring effective performance across the Company's operations. The BOD played a key role in setting strategic direction, overseeing the implementation of policies, resolutions, and decisions, as well as supporting the Executive Board in the Company's business and operational activities.
- Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp 2020, HĐQT đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, bám sát định hướng chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời. Một số công việc chính: The Company's Board of Directors operates in compliance with the provisions of the Charter and the 2020 Enterprise Law. The Board has effectively implemented the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, closely following the strategic direction and making accurate and timely decisions based on actual circumstances. Some key tasks include:
 - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024./ Conducting the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.
 - Ban hành: Điều lệ mới, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS/ Issuance of: the new Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance, the Operating Regulations of the Board of Directors.
 - HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty/ The Board of Directors has directed the Executive Board in innovating management operations,

strengthening, and restructuring the Company's organizational framework to align with its development model.

- HĐQT đã thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét BCTC, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật./ *The Board of Directors has approved the selection of a reputable auditing firm with experience in reviewing financial statements, ensuring compliance with legal regulations.*

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty / The Board of Directors' assessment of the company's Executive Board's performance

- Ban Tổng Giám đốc Công ty dưới sự quản lý, chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong hoạt động điều hành Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh hàng ngày đảm bảo việc điều hành thông suốt, linh hoạt, hiệu quả./ *The Executive Board of the Company, under the management, direction, and supervision of the Board of Directors (BOD), has operated the company's business activities in accordance with the direction, goals, and tasks set by the BOD, in compliance with current laws, the Company's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders. In its management activities, the Executive Board has regularly reported to and sought guidance from the BOD while also proactively and promptly addressing daily arising issues to ensure smooth, flexible, and efficient operations.*
- Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, Ban Giám đốc đã trực tiếp xây dựng và ban hành hoặc trình HĐQT ban hành các văn bản, quy trình, quy chế nội bộ góp phần kiện toàn mô hình bộ máy tổ chức, nhân sự của Công ty theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả./ *Under the direction and supervision of the Board of Directors, the Executive Board has directly developed and issued, or submitted to the Board of Directors for issuance, various documents, procedures, and internal regulations, contributing to the consolidation of the company's organizational structure and personnel towards a streamlined, high-quality, and efficient model.*
- Với những biến động trong năm 2024 và thực trạng hoạt động của Tổ chức bộ máy, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công lại trách nhiệm cho các Phòng ban trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình./ *Given the fluctuations in 2024 and the current state of the organizational structure, the*

Board of Directors has directed the Executive Board to reassign responsibilities among departments. This reassignment aims to maximize the capabilities, expertise, and accountability of each individual in performing their duties while enhancing coordination and mutual support in fulfilling their responsibilities.

- Năm 2024 được cho là một năm với nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh có lãi. Để có được kết quả này Ban Tổng Giám đốc Công ty đã làm tốt công tác tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động và kiên trì trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Công ty. Đây là cố gắng rất lớn lao của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể Cán bộ, nhân viên của Công ty trong năm qua, tạo tiền đề cho Công ty phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới./ *The year 2024 was considered a challenging one with many difficulties; however, the Company achieved profitable business results. This success was made possible by the Executive Board's effective implementation of the set goals and tasks, along with decisive, dynamic, and persistent solutions in both business operations and corporate management. This represents a significant effort by the Executive Board and all employees of the Company over the past year, laying the foundation for the Company's rapid and sustainable growth in the years to come.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị / Plans and orientations of the Board of Directors:

- Chủ động tích cực tìm kiếm các thị trường, phát huy tối đa các nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển kinh doanh mang lại lợi nhuận cao và tạo nên thương hiệu mạnh cho Công ty, tạo nhiều việc làm cho xã hội, nâng cao thu nhập cho người lao động./ *Proactively and actively seek new markets, maximize resources to focus on business development investments that generate high profits, build a strong brand for the Company, create more jobs for society, and increase employees' income.*
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển của Công ty./ *Continue recruiting high-quality personnel with appropriate expertise to effectively implement the Company's development plan.*
- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới sản phẩm, dịch vụ cung cấp đáp ứng yêu cầu của khách hàng, có như vậy, Công ty mới phát triển bền vững./ *Develop a long-term strategy for investment and innovation in products and services to meet customer demands, ensuring the Company's sustainable growth.*

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị / Board of Directors

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị / Members and Structure of the Board of Directors:

- Thành viên Hội đồng Quản trị / Members of the Board of Directors:

- Ông Lê Thanh Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Mr. Le Thanh Chairman of the Board of Directors (Dismissal 29/06/2024)
- Ông Lê Thanh Hà Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/01/2024)
Mr. Le Thanh Ha Member of the Board of Directors (Dismissal 22/01/2024)
- Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên thường trực HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Ms. Tran Thi Thu Huong Executive Director (Dismissal 29/06/2024)
- Ông Hồ Ngọc Toàn Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Mr. Ho Ngoc Toan Member of the Board of Directors (Dismissal 29/06/2024)
- Ông Cao Tấn Thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Mr. Cao Tan Thanh Chairman of the Board of Directors (Appoint 29/06/2024)
- Ông Vũ Việt Bảo Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Mr. Vu Viet Bao Member of the Board of Directors (Appoint 29/06/2024)
- Ông Lê Tuấn Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Mr. Le Tuan Member of the Board of Directors (Appoint 29/06/2024)
- Bà Vũ Thị Hồng Giang Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 03/08/2024)
Ms. Vu Thi Hong Giang Independent Director (Dismissal 03/08/2024)

- Cơ cấu Hội đồng Quản trị/ Structure of the Board of Directors:

STT No	Thành viên HĐQT Board of Directors' members	Chức vụ Position	Tổng số cổ phiếu sở hữu Total Shares Owned	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu Shareholding Ratio	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
					Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Ông Lê Thanh Mr. Le Thanh	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors	-	-	06/07/2007	29/06/2024

2	Ông Lê Thanh Hà <i>Mr. Le Thanh Ha</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			06/07/2007	22/01/2024
3	Bà Trần Thị Thu Hương <i>Ms. Tran Thi Thu Huong</i>	Thành viên thường trực HĐQT <i>Executive Director</i>			26/07/2013	29/06/2024
4	Ông Hồ Ngọc Toàn <i>Mr. Ho Ngoc Toan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			22/01/2024	29/06/2024
5	Ông Cao Tấn Thành <i>Mr. Cao Tan Thanh</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	7.885.500	26,285%	29/06/2024	
6	Ông Vũ Việt Bảo <i>Mr. Vu Viet Bao</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/06/2024	
7	Ông Lê Tuấn <i>Mr. Le Tuan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	5.850.000	19,50%	29/06/2024	
8	Bà Vũ Thị Hồng Giang <i>Ms. Vu Thi Hong Giang</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent Director</i>	100	0,0003%	29/06/2024	03/08/2024

- b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: UPSC không thành lập các tiểu ban./Board's Subcommittee: UPSC does not establish any Subcommittee.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:*

- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị/ *Meetings of the Board of Directors:*

STT/ No	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors'</i> <i>members</i>	Chức danh/ <i>Position</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of</i> <i>meetings</i> <i>attended by</i> <i>Board of</i> <i>Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance</i> <i>rate</i>	Lý do không tham dự/ <i>Reasons for</i> <i>absence</i>
1	Ông Lê Thanh Mr. Le Thanh	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of</i> <i>Directors</i>	3/16	18,75%	Miễn nhiệm 29/06/2024 <i>(Dismissal</i> <i>29/06/2024)</i>
2	Ông Hồ Ngọc Toàn Mr. Ho Ngoc Toan	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of</i> <i>Directors</i>	3/16	18,75%	Miễn nhiệm 29/06/2024 <i>(Dismissal</i> <i>29/06/2024)</i>
3	Bà Trần Thị Thu Hương Ms. Tran Thi Thu Huong	Thành viên thường trực HĐQT <i>Executive Director</i>	3/16	18,75%	Miễn nhiệm 29/06/2024 <i>(Dismissal</i> <i>29/06/2024)</i>
4	Ông Cao Tấn Thành Mr. Cao Tan Thanh	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of</i> <i>Directors</i>	14/16	87,5%	Bổ nhiệm 29/06/2024 <i>(Appoint</i> <i>29/06/2024)</i>
5	Ông Vũ Việt Bảo Mr. Vu Viet Bao	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of</i> <i>Directors</i>	14/16	87,5%	Bổ nhiệm 29/06/2024 <i>(Appoint</i> <i>29/06/2024)</i>

6	Ông Lê Tuấn Mr. Le Tuan	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	14/16	87,5%	Bổ nhiệm 29/06/2024 (Appoint 29/06/2024)
7	Bà Vũ Thị Hồng Giang Ms. Vu Thi Hong Giang	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent Director</i>	4/16	25%	Miễn nhiệm 03/08/2024 (Dismissal 03/08/2024)

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập / *Activities of Independent Board Members*: không có/ *None*

2. Ban Kiểm soát / *Supervisory Board*:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán *Members and Structure of the Supervisory Board / Audit Committee*:

- Thành viên Ban kiểm soát / *Members of the Supervisory Board*:

- Ông Đoàn Danh Hưng
Mr. Doan Danh Hung Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Head of Supervisory Board (Dismissal 29/06/2024)
- Bà Nguyễn Thị Mai Anh
Ms. Nguyen Thi Mai Anh Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Member of Supervisory Board (Dismissal 29/06/2024)
- Bà Phan Thị Mai Hương
Ms. Phan Thi Mai Huong Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/06/2024)
Member of Supervisory Board (Dismissal 29/06/2024)
- Bà Nguyễn Diệu Trang
Ms. Nguyen Dieu Trang Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Head of Supervisory Board (Appoint 29/06/2024)
- Bà Ngô Thị Song Ngân
Ms. Ngo Thi Song Ngan Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Member of Supervisory Board (Appoint 29/06/2024)
- Ông Phạm Xuân Thành
Mr. Pham Xuan Thanh Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/06/2024)
Member of Supervisory Board (Appoint 29/06/2024)

- Cơ cấu Ban Kiểm soát/ *Structure of the Supervisory Board*:

STT No	Thành viên BKS / <i>Board of Supervisors' members</i>	Chức danh/ Position	Tổng số cổ phiếu sở hữu Total Shares Owned	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu Shareholding Ratio	Ngày bắt đầu là thành viên BKS Date of appointment
1	Ông Đoàn Danh Hưng <i>Mr. Doan Danh Hung</i>	Trưởng BKS <i>Head of Supervisory Board</i>	-	-	26/07/2016 – 29/06/2024

2	Bà Phan Thị Mai Hương <i>Ms. Phan Thi Mai Huong</i>	Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Board</i>	-	-	16/06/2013 - 29/06/2024
3	Bà Nguyễn Thị Mai Anh <i>Ms. Nguyen Thi Mai Anh</i>	Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Board</i>	-	-	16/04/2019- 29/06/2024
4	Bà Nguyễn Diệu Trang <i>Ms. Nguyen Dieu Trang</i>	Trưởng BKS <i>Head of Supervisory Board</i>	100	0,0003%	29/06/2024
5	Bà Ngô Thị Song Ngân <i>Ms. Ngo Thi Song Ngan</i>	Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Board</i>	100	0,0003%	29/06/2024
6	Ông Phạm Xuân Thành <i>Mr. Pham Xuan Thanh</i>	Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Board</i>	100	0,0003%	29/06/2024

b. Hoạt động của Ban kiểm soát / Activities of the Supervisory Board:

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý. / *Appraise financial statements and review the implementation of the business plan on a quarterly basis.*
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành. / *Review the reasonableness of the internal management documents issued by the Company.*
- Báo cáo quá trình quản lý Công ty của HĐQT và quá trình điều hành của BGĐ. / *Report on the Company's management by the Board of Directors and the operational activities of the Executive Board.*
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đề ra. / *Inspect the implementation of the resolutions set forth by the Annual General Meeting of Shareholders.*
- Xem xét việc ký kết và thực hiện quy chế trả lương và các quy chế khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. / *Review the signing and implementation of the salary regulation and other policies in compliance with State regulations and the Company's Charter.*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remuneration, and benefits of the Board of Directors, Executive Board, and Supervisory Board:

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salaries, bonuses, remuneration, and benefits:*
 - Hội đồng quản trị: Không có thù lao, tiền lương thưởng/ *Board of Directors: No remuneration, salary, or bonus.*

- Ban Kiểm soát: Không có thù lao, tiền lương thưởng/ *Supervisory Board: No remuneration, salary, or bonus.*
- Ban Tổng giám đốc: Trong năm thu nhập của Ban Tổng giám đốc gồm tiền lương, tiền thưởng theo KQKD. Tổng tiền lương của Ban Tổng giám đốc trong năm là 1,589,080,112 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm, tám mươi chín triệu, không trăm, tám mươi nghìn, một trăm, mười hai đồng)/ *Executive Board: During the year, the income of the Executive Board includes salary and bonuses based on business performance. The total salary of the Executive Board for the year is 1,589,080,112 VND (In words: One billion, five hundred eighty-nine million, zero hundred eighty thousand, one hundred twelve VND).*

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ Insider stock transactions:

- Ngày 11/10/2024, Ông Cao Tấn Thành (Chủ tịch HĐQT) nhận chuyển nhượng 2.925.000 CP từ Ông Lương Tuấn Giang./ *On October 11, 2024, Mr. Cao Tan Thanh (Chairman of the Board) received a transfer of 2,925,000 shares from Mr. Luong Tuan Giang.*
- Ngày 11/10/2024, Ông Trần Đức Nam (Phó Tổng Giám đốc) nhận chuyển nhượng 1.200.000 CP từ Ông Bùi Quang Minh./ *On October 11, 2024, Mr. Tran Duc Nam (Deputy General Director) received a transfer of 1,200,000 shares from Mr. Bui Quang Minh.*
- Ngày 11/10/2024, Ông Trần Văn Chiến (Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng) nhận chuyển nhượng 1.100.000 CP từ Ông Bùi Quang Minh./ *On October 11, 2024, Mr. Tran Van Chien (Chief Financial Officer and Chief Accountant) received a transfer of 1,100,000 shares from Mr. Bui Quang Minh.*
- Ngày 16/10/2024, Bà Nguyễn Diệu Trang (Trưởng Ban kiểm soát) nhận chuyển nhượng 100 CP từ Ông Nguyễn Vĩnh Phúc./ *On October 16, 2024, Ms. Nguyen Dieu Trang (Head of the Supervisory Board) received a transfer of 100 shares from Mr. Nguyen Vinh Phuc.*
- Ngày 16/10/2024, Bà Ngô Thị Song Ngân (Thành viên Ban kiểm soát) nhận chuyển nhượng 100 CP từ Ông Nguyễn Vĩnh Phúc./ *On October 16, 2024, Ms. Ngo Thi Song Ngan (Member of the Supervisory Board) received a transfer of 100 shares from Mr. Nguyen Vinh Phuc.*
- Ngày 16/10/2024, Ông Phạm Xuân Thành (Thành viên Ban kiểm soát) nhận chuyển nhượng 100 CP từ Ông Nguyễn Vĩnh Phúc. / *On October 16, 2024, Mr. Pham Xuan Thanh (Member of the Supervisory Board) received a transfer of 100 shares from Mr. Nguyen Vinh Phuc.*

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh/ Contracts or transactions with insiders: No occurrence.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Evaluation of the implementation of corporate governance regulations:

- Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống Quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. /*The Company's management and governance structure is established and adheres to the provisions of the Enterprise Law, the*

Securities Law, and relevant specialized legal regulations. In addition to fully complying with disclosure obligations in the securities sector, the Company's governance system is strictly controlled, and the management and operational activities of the Board of Directors and the Executive Board are always transparent and carefully supervised.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH / FINANCIAL STATEMENTS

1. Ý kiến kiểm toán/ Auditor's opinions:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán./The financial statements have fairly and reasonably reflected, in all material respects, the financial position of the Company as of December 31, 2024, as well as its operating results, cash flow situation, and changes in equity for the fiscal year ending on that date, in accordance with accounting standards, the Vietnamese corporate accounting regime, the accounting regime applicable to securities companies, and relevant legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements of securities companies.
- Các nhận xét đặc biệt: Không có do Công ty Kiểm toán chấp thuận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2024 và không có ý kiến loại trừ./ Special remarks: None, as the Auditing Company has fully approved the 2024 financial statements without any exclusions

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm / The audited financial statements include:

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán được gửi kèm báo cáo thường niên. / Balance Sheet; Income Statement; Cash Flow Statement; /Notes to the Financial Statements as required by legal regulations on accounting and auditing, attached to the annual report.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE



CHỦ TỊCH HĐQT

Cao Xuân Thành

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 41

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

 đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán UP (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Cao Tấn Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Ông Lê Thanh	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Ông Vũ Việt Bảo	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Ông Lê Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Bà Vũ Thị Hồng Giang	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024 và Miễn nhiệm từ ngày 03/08/2024)
Ông Hồ Ngọc Toàn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Chiến	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/01/2025)
Ông Nguyễn Quang Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024 và Miễn nhiệm từ ngày 20/01/2025)
Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Ông Trần Đức Nam	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2024 và Miễn nhiệm từ ngày 12/12/2024)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UPĐịa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024***BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,***CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP****Trần Văn Chiến**
Tổng Giám đốc*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025*



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HẰNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
 Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 2602.06 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Chứng khoán UP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán UP (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/02/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(tiếp theo)***Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**Ngô Bá Thiêm**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2025-034-1

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		300.919.122.885	302.068.373.071
I. Tài sản tài chính	110		299.712.705.112	300.740.072.124
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1.1.	273.156.284.309	243.862.060.408
1.1. Tiền	111.1		37.254.556.343	243.862.060.408
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		235.901.727.966	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.1.4.1	118.871.500	18.000.083.500
3. Các khoản cho vay	114	VI.1.4.2	18.849.362.277	22.744.244.124
4. Các khoản phải thu	117	VI.1.6.	1.078.237.868	1.577.307.182
5. Trả trước cho người bán	118	VI.1.2.	6.137.500.000	120.000.000
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.1.6.	266.829.192	25.252.749.974
7. Các khoản phải thu khác	122		105.619.966	183.626.936
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	VI.1.5.	-	(11.000.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.206.417.773	1.328.300.947
1. Tạm ứng	131		415.283.750	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.1.7.	522.812.129	1.265.400.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	VI.1.18.	268.321.894	62.900.674
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		33.577.834.178	13.147.362.052
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.614.340.634	197.004.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.1.9.	8.704.080.211	197.004.354
- Nguyên giá	222		11.991.388.112	5.037.288.612
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.287.307.901)	(4.840.284.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.1.10.	6.910.260.423	-
- Nguyên giá	228		10.261.852.070	3.097.999.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(3.351.591.647)	(3.097.999.470)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	VI.1.11.	2.974.840.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		14.988.653.544	12.950.357.698
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.1.12.	1.273.270.882	539.920.882
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.1.7.	670.900.975	81.875.977
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.1.8.	13.044.481.687	12.328.560.839
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		334.496.957.063	315.215.735.123

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		14.931.679.063	5.238.955.106
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		14.931.679.063	5.238.955.106
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	VI.1.24	8.860.000.000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		8.860.000.000	-
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.1.16.	3.268.887.102	49.150.000
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.1.17.	926.950.000	2.559.650.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.1.18.	1.191.361.475	1.337.907.244
5. Phải trả người lao động	323		69.474.502	530.640.088
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		64.315.308	111.843.378
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.1.19.	182.802.693	308.923.010
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.1.20.	367.887.983	340.841.386
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		319.565.278.000	309.976.780.017
I. Vốn chủ sở hữu	410		319.565.278.000	309.976.780.017
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		294.285.000.000	294.285.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.2 Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		124.282.981	124.282.981
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		124.282.981	124.282.981
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.1.25.	25.031.712.038	15.443.214.055
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		24.936.600.724	15.444.090.741
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		95.111.314	(876.686)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		334.496.957.063	315.215.735.123

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Huyền



Hoàng Thị Mai Hương



Trần Văn Chiến

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 - CTCK
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.1.27.	29.682.500	29.682.500
2. Cổ phiếu quỹ	007	VI.1.28.	317.500	317.500
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.1.13.	46.860.000	1.260.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.1.14.	565.913.470.000	803.032.610.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		519.911.640.000	737.905.310.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		4.810.000.000	10.640.000.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		40.392.300.000	40.392.300.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		799.530.000	14.095.000.000
2. Tiền gửi của khách hàng	026	VI.1.15.	21.905.200.631	50.885.581.695
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		21.904.200.631	50.885.581.695
2.2. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.000.000	-
3. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.1.21.	21.905.200.631	50.885.581.695
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		21.905.171.005	50.885.552.069
3.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		29.626	29.626

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Huyền



Hoàng Thị Mai Hương



Trần Văn Chiến

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		4.111.376.593	2.968.736.164
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.2.1.1	367.370.000	224.500.000
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.2.1.2	95.988.000	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.2.1.3	3.648.018.593	2.744.236.164
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.2.1.3	1.951.570.653	816.341.104
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		15.478.091.444	10.987.574.740
1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		745.796.621	322.057.143
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		395.297.766	272.364.032
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		4.480.755.460	4.064.260.202
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.2.1.4	604.136.888	472.885.424
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)	20		27.767.025.425	19.904.218.809
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		303.435.000	341.002.120
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	VI.2.1.1	303.435.000	341.000.000
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2.1.2	-	2.120
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VI.2.4.	9.271.292.852	8.673.749.420
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.2.4.	446.728.132	254.236.537
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.2.4.	268.155.921	323.466.998
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.2.4.	3.958.221.347	1.633.127.150
2.7. Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.2.2.	(10.992.365.630)	7.145.924
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40		3.255.467.622	11.232.728.149
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	VI.2.3.	32.210.260	23.618.391
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		32.210.260	23.618.391
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	VI.2.5.	117.487.009	394.260.108
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	60		117.487.009	394.260.108

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.2.6.	15.306.681.656	7.420.415.489
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		9.119.599.398	880.433.454
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu-nhập khác	71	VI.2.7.	468.898.585	-
8.2 Chi phí khác	72	VI.2.8.	-	40.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		468.898.585	(40.000.000)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		9.588.497.983	840.433.454
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		9.492.509.983	840.435.574
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		95.988.000	(2.120)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	176.086.691
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.2.9.	-	176.086.691
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		9.588.497.983	664.346.763
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		323,04	22,38
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		323,04	22,38
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Huyền



Hoàng Thị Mai Hương



Trần Văn Chiến

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03 - CTCK
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		9.588.497.983	840.433.454
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(11.355.281.691)	(1.010.504.031)
- Khấu hao TSCĐ	03		605.469.168	172.543.043
- Các khoản dự phòng	04		(11.000.000.000)	
- Chi phí lãi vay	06		117.487.009	394.260.108
- Dự thu tiền lãi	08		(1.078.237.868)	(1.577.307.182)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		-	2.120
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	2.120
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(95.988.000)	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(95.988.000)	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		40.825.742.472	(39.187.992.736)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		17.977.200.000	(18.000.000.000)
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		3.894.881.847	(18.545.809.824)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		499.069.314	(1.538.950.607)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		22.884.322.197	(730.588.108)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		78.006.970	(18.258.556)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(1.148.633.750)	-
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(126.120.317)	(579.417.226)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		153.563.146	(110.706.362)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(205.421.220)	-
(-) Lãi vay đã trả	44		(117.487.009)	(394.260.108)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(2.797.762.898)	66.836.880
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(47.528.070)	45.782.256
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(146.545.769)	310.446.020
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(461.165.586)	86.238.304
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		27.046.597	(189.644.965)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		1.078.237.868	1.577.307.182
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(715.920.848)	(1.166.967.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		38.962.970.764	(39.358.061.193)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(19.165.610.500)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		636.863.637	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(18.528.746.863)	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền vay gốc	73	48.940.000.000	479.822.550.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(40.080.000.000)	(479.822.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	8.860.000.000	-

IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ

V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	VI.1.1.	243.862.060.408	283.220.121.601
---	------------	----------------	------------------------	------------------------

- Tiền	101.1		243.862.060.408	283.220.121.601
--------	-------	--	-----------------	-----------------

VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	VI.1.1.	273.156.284.309	243.862.060.408
---	------------	----------------	------------------------	------------------------

- Tiền	103.1		37.254.556.343	243.862.060.408
--------	-------	--	----------------	-----------------

- Các khoản tương đương tiền	103.2		235.901.727.966	-
------------------------------	-------	--	-----------------	---

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.313.618.476.920	3.574.342.140.370
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.127.827.328.510)	(3.621.635.858.210)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2.127.827.328.510	3.621.635.858.210
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(2.342.330.702.228)	(3.582.502.983.762)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(268.155.921)	(323.466.998)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		16.765.903.518	16.177.524.128
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(16.765.903.353)	(16.177.524.128)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(28.980.381.064)	(8.484.310.390)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		50.885.581.695	59.369.892.085
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		50.885.581.695	59.369.892.085
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	VI.1.15.	50.885.581.695	59.369.892.085
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		21.905.200.631	50.885.581.695
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		21.905.200.631	50.885.581.695
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	VI.1.15.	21.904.200.631	50.885.581.695
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		1.000.000	

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Người lập

Kế toán trưởng

Kim Ngọc Huyền

Hoàng Thị Mai Hương

Trần Văn Chiến

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

(+84) 243944 6666 (+84) 243944 6969

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B04 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2023		Năm 2024			
		01/01/2023	01/01/2024	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2023	31/12/2024
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		124.282.981	124.282.981	-	-	-	-	124.282.981	124.282.981
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		124.282.981	124.282.981	-	-	-	-	124.282.981	124.282.981
5. Lợi nhuận chưa phân phối		14.778.867.292	15.443.214.055	664.348.883	2.120	9.588.497.983	-	15.443.214.055	25.031.712.038
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		14.779.741.858	15.444.090.741	664.348.883	-	9.492.509.983	-	15.444.090.741	24.936.600.724
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(874.566)	(876.686)	-	2.120	95.988.000	-	(876.686)	95.111.314
Tổng cộng		309.312.433.254	309.976.780.017	664.348.883	2.120	9.588.497.983	-	309.976.780.017	319.565.278.000

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kim Ngọc Huyền

Hoàng Thị Mai Hương

Trần Văn Chiến

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán
1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty CP Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 7 năm 2017 và Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp. Sau đó, Công ty CP Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia được đổi thành Công ty CP Chứng khoán UP theo Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2024 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08/12/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng)**.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 9 ngày 17/10/2024.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Hạn chế vay nợ, cho vay và hạn chế đầu tư
Hạn chế vay nợ

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

- a) Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
- b) Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- c) Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
- d) Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.

- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
 - + Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

4 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

5 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2024 là 81 người (tại 31/12/2023: 48 người).

6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/08/2024 và Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2024 thì Công ty CP Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia được đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán UP (tên tiếng anh là UP Securities Company), viết tắt là UPS và thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quang Đạt với chức danh Tổng Giám đốc. Do có sự thay đổi nêu trên nên con dấu được sử dụng để xác nhận số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là con dấu của Công ty CP Chứng khoán UP.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 23/2018/TT-BTC Bổ sung một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc xác định tiền và các khoản tương đương tiền

Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành khác được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.

Tiền gửi của tổ chức phát hành

Tiền gửi của tổ chức phát hành là tiền gửi thu được về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.

3.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính khi bán.

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận đo đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Tài sản chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường. Mọi khoản lãi

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi hoặc lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Khi trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính, Chỉ tiêu "Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL được phản ánh trên cơ sở số thuần (Chỉ tiêu này được tính như sau: Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ = Số dư Nợ Tài khoản 1211 "Giá mua" cộng (+) Số dư Nợ Tài khoản 1212 "Chênh lệch tăng do đánh giá lại" hoặc trừ (-) Số dư Có Tài khoản 1212 "Chênh lệch giảm do đánh giá lại" của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán).

Khi trình bày các tài sản tài chính FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán trong Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày theo 3 chỉ tiêu: Giá trị mua, giá trị đánh giá lại và giá trị thuần (Giá trị mua +/- Giá trị đánh giá lại) theo các loại tài sản tài chính FVTPL.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động gửi tiền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá trị phân bổ các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có Giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ
5.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản

- Phương tiện vận tải
- Thiết bị dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao (năm)

06
05 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh

trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 05 năm.

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch bán các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu nội bộ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán các tài sản tài chính.
- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng cần thiết phải trích lập.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được đánh giá bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược tại Công ty là các khoản đặt cọc về thuê văn phòng và các khoản đặt cọc khác,... được ghi nhận nhận theo giá gốc và trình bày theo kỳ hạn thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; chi phí trả trước về thuê văn phòng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

Chi phí trả trước về thuê văn phòng được phân bổ theo kỳ hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê. Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn
10.1 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính và phương pháp kế toán các khoản vay
Nguyên tắc và phương pháp kế toán khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10.2 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải thanh toán cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng Công ty qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên hoặc các khoản phải thanh toán cho các Đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của Công ty. Nợ phải trả người bán về mua vật tư, dịch vụ, lao vụ không bao gồm trong khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi cho giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

10.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn tài chính; không chịu thuế GTGT đối với hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế, phí phải nộp khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10.5 Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí giao dịch phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu
11.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

11.3 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của Công ty, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, chia cổ tức cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại cuộc họp thường niên Ban Quản trị toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bắt buộc theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến Công ty.

Lãi đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm (N-1) là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm (N-1) không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập
12.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp,

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu giá, tư vấn tài chính...)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính: là các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của Công ty và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư TSTC của Công ty là FVTPL.

14. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, ...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí quản lý của Công ty được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động là các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty
1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

VI. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính
1. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính
1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền	37.254.556.343	243.862.060.408
Tiền mặt tại quỹ	77.713.664	923.040.066
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	37.176.842.679	242.939.020.342
Các khoản tương đương tiền (*)	235.901.727.966	-
Cộng	273.156.284.309	243.862.060.408

(*) Các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị 235.901.727.966 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà; kỳ hạn không quá 3 tháng; trả lãi cuối kỳ; hợp đồng tái tục và lãi suất tái tục của các hợp đồng tại thời điểm 31/12/2024 là 4,2%/năm.

1.2. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Quản lý tài sản Kỳ Lân	6.000.000.000	-
Các đối tượng khác	137.500.000	120.000.000
Cộng	6.137.500.000	120.000.000

1.3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	994.200	31.059.485.000
Cộng	994.200	31.059.485.000
b) Của Nhà Đầu tư		
- Cổ phiếu	222.388.680	4.441.445.805.430
Cộng	222.388.680	4.441.445.805.430

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.4. Các loại tài sản tài chính
1.4.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	23.760.186	118.871.500	960.186	83.500
MMC	245.445	-	245.445	-
HAI	16.820	13.500	16.820	13.500
FLC	427.921	70.000	427.921	70.000
ROS	270.000	-	270.000	-
SSI	22.800.000	118.788.000	-	-
<i>Chứng chỉ tiền gửi (*)</i>	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	23.760.186	118.871.500	18.000.960.186	18.000.083.500

(*) Khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 8,6%/năm được dùng để cầm cố cho các khoản vay thấu chi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng. Hợp đồng tiền gửi đã tắt toán trong năm.

1.4.2 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	18.413.767.155	18.413.767.155	6.060.994.584	6.060.994.584
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	435.595.122	435.595.122	16.683.249.540	16.683.249.540
Cộng	18.849.362.277	18.849.362.277	22.744.244.124	22.744.244.124



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

(+84) 243944 6666 (+84) 243944 6969

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.4.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường

Đơn vị tính: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	31/12/2024					01/01/2024				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I.	FVTPL	23.760.186	118.871.500	95.988.000	876.686	118.871.500	18.000.960.186	18.000.083.500	-	876.686	18.000.083.500
	Cổ phiếu	23.760.186	118.871.500	95.988.000	876.686	118.871.500	960.186	83.500	-	876.686	83.500
	HAI	16.820	13.500	-	3.320	13.500	16.820	13.500	-	3.320	13.500
	PLC	427.921	70.000	-	357.921	70.000	427.921	70.000	-	357.921	70.000
	ROS	270.000	-	-	270.000	-	270.000	-	-	270.000	-
	MMC	245.445	-	-	245.445	-	245.445	-	-	245.445	-
	SSI	22.800.000	118.788.000	95.988.000	-	118.788.000	-	-	-	-	-
2	Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	-	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	Cộng	23.760.186	118.871.500	95.988.000	876.686	118.871.500	18.000.960.186	18.000.083.500	-	876.686	18.000.083.500



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

(+84) 243944 6666 (+84) 243944 6969

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.5. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số dư dự phòng phải thu đầu năm (01/01/2024)	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dư dự phòng phải thu cuối năm (31/12/2024)
1	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	24.792.367.600		11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
	Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (*)	24.792.367.600		11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
	Nguyễn Hữu Tuấn	3.792.367.600		2.240.740.741	-	2.240.740.741	-
	Phạm Thanh Nam	21.000.000.000		8.759.259.259	-	8.759.259.259	-
	Cộng	24.792.367.600		11.000.000.000	-	11.000.000.000	-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1.6. Các khoản phải thu		
a) <i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	1.078.237.868	1.577.307.182
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.078.237.868	1.577.307.182
b) <i>Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp</i>	266.829.192	25.252.749.974
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.009.192	44.542.374
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư	-	24.792.367.600
- Nguyễn Hữu Tuấn	-	3.792.367.600
- Phạm Thanh Nam	-	21.000.000.000
Phải thu dịch vụ tư vấn tài chính	264.820.000	415.840.000
Cộng	1.345.067.060	26.830.057.156
1.7. Chi phí trả trước		
a) <i>Ngắn hạn</i>	522.812.129	1.265.400.273
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	291.368.558	41.585.573
Chi phí thuê văn phòng	231.443.571	1.223.814.700
b) <i>Dài hạn</i>	670.900.975	81.875.977
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	670.900.975	81.875.977
Cộng	1.193.713.104	1.347.276.250
1.8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.008.229.328	6.896.444.753
Tiền lãi phân bổ hàng năm	5.916.252.359	5.312.116.086
Cộng	13.044.481.687	12.328.560.839

1.9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	2.072.818.400	2.964.470.212	5.037.288.612
Mua trong năm	-	9.026.917.900	9.026.917.900
Thanh lý, nhượng bán	(2.072.818.400)	-	(2.072.818.400)
Số dư ngày 31/12/2024	-	11.991.388.112	11.991.388.112
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	1.875.814.046	2.964.470.212	4.840.284.258
Khấu hao trong năm	29.039.302	322.837.689	351.876.991
Thanh lý, nhượng bán	(1.904.853.348)	-	(1.904.853.348)
Số dư ngày 31/12/2024	-	3.287.307.901	3.287.307.901

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2024	197.004.354	-	197.004.354
Tại ngày 31/12/2024	-	8.704.080.211	8.704.080.211

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.964.470.212 VND (Tại 31/12/2023 là 4.097.930.212 VND).

1.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2024	3.097.999.470	3.097.999.470
Mua trong năm	7.163.852.600	7.163.852.600
Số dư ngày 31/12/2024	10.261.852.070	10.261.852.070
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2024	3.097.999.470	3.097.999.470
Khấu hao trong năm	253.592.177	253.592.177
Số dư ngày 31/12/2024	3.351.591.647	3.351.591.647
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	6.910.260.423	6.910.260.423
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.097.999.470 VND (Tại 31/12/2023 là 3.097.999.470 VND).		

1.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phát triển trang Web Portal	24.840.000	-
Xây dựng phần mềm lõi Giao dịch chứng khoán niêm yết	2.950.000.000	-
Cộng	2.974.840.000	-

1.12. Các tài sản đã cầm cố thế chấp

Tài sản	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.201.770.882	483.420.882
Đặt cọc dài hạn khác	71.500.000	56.500.000
Cộng	1.273.270.882	539.920.882

1.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	46.860.000	1.260.000
Cộng	46.860.000	1.260.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.14. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	519.911.640.000	737.905.310.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.810.000.000	10.640.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.392.300.000	40.392.300.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	799.530.000	14.095.000.000
Cộng	565.913.470.000	803.032.610.000

1.15. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	21.904.200.631	50.885.581.695
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	21.904.171.005	50.885.552.069
1.2 Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	29.626	29.626
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
3. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	1.000.000	-
Cộng	21.905.200.631	50.885.581.695

1.16. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP D.PAY	2.993.688.525	2.993.688.525	-	-
Các đối tượng khác	275.198.577	275.198.577	49.150.000	49.150.000
Cộng	3.268.887.102	3.268.887.102	49.150.000	49.150.000

1.17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Cokyvina	-	104.500.000
Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương	-	96.000.000
Các đối tượng khác	926.950.000	2.359.150.000
Cộng	926.950.000	2.559.650.000

1.18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	53.224.253	101.391.080
Thuế Thu nhập cá nhân	1.138.137.222	1.236.516.164
Cộng	1.191.361.475	1.337.907.244

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Phải thu

Thuế Thu nhập doanh nghiệp	268.321.894	62.900.674
Cộng	268.321.894	62.900.674

1.19. Chi phí phải trả
Ngắn hạn

Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	31.573.315	145.653.637
Chi phí phải trả khác	151.229.378	163.269.373
Cộng	182.802.693	308.923.010

1.20. Phải trả, phải nộp khác
Ngắn hạn

Phải trả hoa hồng môi giới	357.447.983	144.077.786
Phải trả khác	10.440.000	196.763.600
Cộng	367.887.983	340.841.386

1.21. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.905.200.631	50.885.581.695
- Của nhà đầu tư trong nước	21.905.171.005	50.885.552.069
- Của nhà đầu tư nước ngoài	29.626	29.626
Cộng	21.905.200.631	50.885.581.695

1.22. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	2.009.192	44.542.374
Phải trả phí tư vấn tài chính doanh nghiệp	264.820.000	415.840.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	-	24.792.367.600
Cộng	266.829.192	25.252.749.974

1.23. Phải trả vay Công ty chứng khoán của Nhà đầu tư

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả gốc Margin	18.413.767.155	6.060.994.584
1.1 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư trong nước	18.413.767.155	6.060.994.584
1.2 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	435.595.122	16.683.249.540
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	435.595.122	16.683.249.540
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	435.595.122	16.683.249.540
Cộng	18.849.362.277	22.744.244.124

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.24 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2024		Phát sinh		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	31/12/2024
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	-	36.750.000.000	36.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Finra Capital (2)	-	12.190.000.000	3.330.000.000	8.860.000.000	8.860.000.000
Cộng	-	48.940.000.000	40.080.000.000	8.860.000.000	

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng thấu chi ngày 31/1/2023, hạn mức thấu chi là 17.100.000.000 đồng, thời hạn đến 17/01/2024, lãi suất trong hạn là 8.6%/năm, tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị là 18.000.000.000 đồng. Khoản vay đã được tắt toán trong năm.

(2) Khoản vay Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Finra Capital theo hợp đồng số 28102024/HĐVV/FC-UP ngày 28/10/2024; số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay theo sự thỏa thuận giữa các bên và quy định cụ thể trong phụ lục và bảng kê đính kèm tương ứng với từng khoản vay theo từng giai đoạn; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1.25. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	24.936.600.724	15.444.090.741
Lợi nhuận chưa thực hiện	95.111.314	(876.686)
Cộng	25.031.712.038	15.443.214.055

1.26. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước	15.444.090.741	14.779.741.858
Lãi đã thực hiện kỳ này	9.492.509.983	664.348.883
Điều chỉnh giảm khác	-	-
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12	24.936.600.724	15.444.090.741

(*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính
1.27. Cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng phổ thông lưu hành trên 1 năm	29.682.500	29.682.500
Cộng	29.682.500	29.682.500

1.28. Cổ phiếu quỹ

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại > 1 năm	317.500	317.500
Cộng	317.500	317.500

1.29. Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại ≤ 1 năm	4.686	126
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	4.686	126



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

📍 Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

☎️ (+84) 243944 6666 📠 (+84) 243944 6969

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

2.1. Thu nhập

2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kể đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu niêm yết	497.100	616.740	15.561.710.000	15.497.775.000	63.935.000	(52.565.000)	(116.500.000)
	PVS	12.100	40.300	487.630.000	498.520.000	(10.890.000)	(122.890.000)	(112.000.000)
	PVD	67.900	27.500	1.867.250.000	1.841.890.000	25.360.000	25.360.000	-
	CTR	3.900	130.000	507.000.000	497.040.000	9.960.000	9.960.000	-
	FPT	6.500	134.500	874.250.000	849.650.000	24.600.000	24.600.000	-
	SSI	15.200	26.600	404.320.000	497.800.000	(93.480.000)	(93.480.000)	-
	CEO	-	-	-	-	-	141.500.000	141.500.000
	DIG	104.000	22.916	2.383.300.000	2.557.065.000	(173.765.000)	(173.765.000)	-
	MBB	57.600	25.250	1.454.400.000	1.419.675.000	34.725.000	34.725.000	-
	PDR	63.800	22.250	1.419.550.000	1.376.050.000	43.500.000	43.500.000	-
	HVN	-	-	-	-	-	7.500.000	7.500.000
	DGC	-	-	-	-	-	(26.500.000)	(26.500.000)
	DXG	-	-	-	-	-	(26.000.000)	(26.000.000)
	HCM	76.000	30.650	2.329.400.000	2.186.290.000	143.110.000	143.110.000	-
	LPB	59.100	31.874	1.883.760.000	1.822.735.000	61.025.000	61.025.000	-
	MSN	16.000	77.350	1.237.600.000	1.249.560.000	(11.960.000)	(11.960.000)	-
	VCI	15.000	47.550	713.250.000	701.500.000	11.750.000	11.750.000	-
	VND	-	-	-	-	-	(101.000.000)	(101.000.000)
	Cộng	497.100	616.740	15.561.710.000	15.497.775.000	63.935.000	(52.565.000)	(116.500.000)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2.1.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	23.760.186	118.871.500	95.111.314	(876.686)	95.988.000
1	Cổ phiếu niêm yết	23.760.186	118.871.500	95.111.314	(876.686)	95.988.000
	HAI	16.820	13.500	(3.320)	(3.320)	-
	FLC	427.921	70.000	(357.921)	(357.921)	-
	ROS	270.000	-	(270.000)	(270.000)	-
	MMC	245.445	-	(245.445)	(245.445)	-
	SSI	22.800.000	118.788.000	95.988.000	-	95.988.000
	Cộng	23.760.186	118.871.500	95.111.314	(876.686)	95.988.000

 G T
H A
K H
P

 H I
T O
I E

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2.1.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.648.018.593	2.744.236.164
Từ các khoản cho vay	1.951.570.653	816.341.104
Cộng	5.599.589.246	3.560.577.268

2.1.4 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

Các loại doanh thu hoạt động khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	604.136.888	472.885.424
Cộng	604.136.888	472.885.424

2.2. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

Các loại chi phí hoạt động khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	(10.992.365.630)	7.145.924
Cộng	(10.992.365.630)	7.145.924

2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.210.260	23.618.391
Cộng	32.210.260	23.618.391

2.4. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	9.271.292.852	8.673.749.420
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	446.728.132	254.236.537
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	268.155.921	323.466.998
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	3.958.221.347	1.633.127.150
Cộng	13.944.398.252	10.884.580.105

2.5. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	117.487.009	394.260.108
Cộng	117.487.009	394.260.108

2.6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.600.670.483	4.025.662.132

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	41.167.412	18.957.813
Chi phí khấu hao TSCĐ	144.089.665	172.543.043
Chi phí thuế, phí, lệ phí	443.847.967	300.205.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.989.106.129	2.713.977.227
Chi phí bằng tiền khác	87.800.000	189.070.000
Cộng	15.306.681.656	7.420.415.489

2.7. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	468.398.585	-
Các khoản thu nhập khác	500.000	-
Cộng	468.898.585	-

2.8. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nộp phạt hành chính	-	40.000.000
Cộng	-	40.000.000

2.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	-	176.086.691
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	176.086.691
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	-	176.086.691

2.10. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	01/01/2024	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.443.214.055	9.588.497.983	-	25.031.712.038
Cộng	15.443.214.055	9.588.497.983	-	25.031.712.038

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Những thông tin khác
3.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo quyết định số 03/2025/NQ-HĐQT và quyết định số 04/2025/NQ - HĐQT ngày 20/01/2025, Công ty quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Quang Đạt và bổ nhiệm ông Trần Văn Chiến giữ chức danh Tổng Giám đốc. Do đó ông Trần Văn Chiến sẽ chịu trách nhiệm ký trên báo cáo tài chính năm 2024.

Theo quyết định số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 19/02/2025, Công ty quyết định bổ nhiệm bà Hoàng Thị Mai Hương giữ chức danh Kế toán trưởng. Do đó bà Hoàng Thị Mai Hương sẽ chịu trách nhiệm ký trên báo cáo tài chính năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3.2 Thông tin về các bên liên quan
Danh sách các bên liên quan:
Bên liên quan

 Nguyễn Quang Đạt
Trần Thị Thu Hương
Trần Đức Nam

Mối quan hệ

 Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)
Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2024 và
Miễn nhiệm từ ngày 12/12/2024)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.305.581.649	270.849.000
Cộng	1.305.581.649	270.849.000

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc			
Họ tên	Chức danh		
Nguyễn Quang Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)	883.488.095	-
Trần Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)	123.721.000	270.849.000
Trần Đức Nam	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2024 và Miễn nhiệm từ ngày 12/12/2024)	298.372.554	-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UPĐịa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, 11B Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B09 - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3.3 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty CP Chứng khoán UP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN UP

Người lập biểu



Kim Ngọc Huyền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mai Hương



Trần Văn Chiến



UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended December 31, 2024



UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGES
BOARD OF DIRECTORS' REPORT	02 - 03
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	04 - 05
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION	06 - 08
INCOME STATEMENT	09 - 10
CASH FLOW STATEMENT	11 - 12
STATEMENT OF CHANGES IN OWNERS' EQUITY	13
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	14 - 42

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

BOARD OF DIRECTORS' REPORT

*accompanied by the financial statements
for the fiscal year ended 31/12/2024*

BOARD OF DIRECTORS' REPORT

The members of the Board of Directors of UP Securities Joint Stock Company. (hereinafter referred to as "the Company"), present this report together with the Company's audited financial statements for the year ended December 31, 2024.

Board of Management and Board of Directors

The members of the Board of Management and Board of Directors who held office during the year ended December 31, 2024 and to the date of this report were:

Board of Management

Mr. Cao Tan Thanh	Chairman (Appointed on 29/6/2024)
Mr. Le Thanh	Chairman (Dismissed on 29/6/2024)
Mr. Vu Viet Bao	Member (Appointed on 29/6/2024)
Mr. Le Tuan	Member (Appointed on 29/6/2024)
Ms. Vu Thi Hong Giang	Independent Member (Appointed on 29/6/2024 and Dismissed on 03/8/2024)
Mr. Ho Ngoc Toan	Member (Dismissed on 29/6/2024)
Ms. Tran Thi Thu Huong	Permanent Member ((Dismissed on 29/6/2024)

Board of Directors

Mr. Tran Van Chien	General Director (Appointed on 20/01/2025)
Mr. Nguyen Quang Dat	General Director (Appointed on 20/6/2024 and Dismissed on 20/01/2025)
Ms. Tran Thi Thu Huong	General Director (Dismissed on 20/6/2024)
Mr. Tran Duc Nam	Deputy General Director (Appointed on 30/6/2024 and Dismissed on 12/12/2024)

Responsibilities of the Board of Directors

The Company's Board of Directors is responsible for preparing the Financial Statements which give a true and fair view of the Company's financial position and the results of its operations, cash flows and changes in owner's equity in the year in accordance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system, accounting system applicable to securities companies and legal regulations relevant to the preparation and presentation of the Financial Statements of securities companies. In the preparation of these Financial Statements, the Board of Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then consistently apply them;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether appropriate accounting standards are respected or any application of material misstatements needs to be disclosed and justified in Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize risks and frauds.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District,
Hanoi

BOARD OF DIRECTORS' REPORT

*accompanied by the financial statements
for the fiscal year ended 31/12/2024*

BOARD OF DIRECTORS' REPORT

(continued)

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the Financial Statements comply with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system, accounting system applicable to securities companies and statutory requirements relevant to financial reporting for securities companies. The Board of Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Directors,

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



Tran Van Chien

General Director

Hanoi, February 25th, 2025



VIET NAM AUDITING AND EVALUATION COMPANY LIMITED
INDEPENDENT MEMBER OF LEA GLOBAL
Specialized in Auditing, Evaluation, Consultancy on Finance, Accounting and Tax

No: 2602.06 -25/BC-TC/VAE

Hanoi, February 26th, 2025

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: Board of Management and Board of Directors
UP Securities Joint Stock Company

We have audited the accompanying Financial Statements of UP Securities Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), prepared on February 25th, 2025, set out on page 06 to page 42, which comprise the Statement of Financial Position as at December 31, 2024 and the Statements of Income, Cash Flow Statement and Statements of Changes in Equity for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

Respective responsibilities of the Board of Directors

The Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of the Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system, accounting system applicable to Securities companies and legal regulations relevant to the preparation and presentation of the Financial Statements of securities companies and for an internal control as determined as necessary for the preparation and fair presentation of Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Responsibilities of the Auditor

Our responsibility is to express an opinion on these Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with the ethical requirements and standard, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Statements are free from material misstatements.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. Accordingly, we express no such opinion. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of significant accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidences we have obtained are sufficient and appropriate to provide a basis for our opinion.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

(continued)

Opinion

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at December 31, 2024 and of the results of its operations, cash flows and changes in owner's equity for the fiscal year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system, accounting system applicable to securities companies and legal regulations relevant to the preparation and presentation of the Financial Statements of securities companies.




Nguyễn Thị Hồng Vân

Deputy General Director - Audit Director
Audit Practice Registration Certificate No.
0946-2023-034-1

For and on behalf of

VIETNAM AUDITING AND EVALUATION CO., LTD.



Ngo Ba Thiem

Auditor
Audit Practice Registration Certificate No.
3422-2025-034-1

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District,
Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B01 - CTCK
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
A. CURRENT ASSETS (100 = 110+130)	100		300,919,122,885	302,068,373,071
I. Financial assets	110		299,712,705,112	300,740,072,124
1. Cash and cash equivalents	111		273,156,284,309	243,862,060,408
1.1. Cash	111.1	VI.1.1.	37,254,556,343	243,862,060,408
1.2. Cash equivalents	111.2		235,901,727,966	-
2. Financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	112	VI.1.4.1	118,871,500	18,000,083,500
3. Lending	114	VI.1.4.2	18,849,362,277	22,744,244,124
4. Receivables	117	VI.1.6.	1,078,237,868	1,577,307,182
5. Advances to suppliers	118	VI.1.2.	6,137,500,000	120,000,000
6. Receivables from services provided by the securities company	119	VI.1.6.	266,829,192	25,252,749,974
7. Other receivables	122		105,619,966	183,626,936
8. Provision for impairment of receivables	129	VI.1.5.	-	(11,000,000,000)
II. Other current assets	130		1,206,417,773	1,328,300,947
1. Advances	131		415,283,750	-
2. Short-term prepaid expenses	133	VI.1.7.	522,812,129	1,265,400,273
3. Taxes and receivable from State Budget	136	VI.1.18.	268,321,894	62,900,674
B. NON-CURRENT ASSETS	200		33,577,834,178	13,147,362,052
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)				
I. Long-term financial assets	210		-	-
II. Fixed assets	220		15,614,340,634	197,004,354
1. Tangible fixed assets	221	VI.1.9.	8,704,080,211	197,004,354
- Historical cost	222		11,991,388,112	5,037,288,612
- Accumulated depreciation	223a		(3,287,307,901)	(4,840,284,258)
2. Intangible fixed assets	227	VI.1.10.	6,910,260,423	-
- Historical cost	228		10,261,852,070	3,097,999,470
- Accumulated amortisation	229a		(3,351,591,647)	(3,097,999,470)
III. Investment property	230		-	-
IV. Construction in progress	240	VI.1.11.	2,974,840,000	-
V. Other non-current assets	250		14,988,653,544	12,950,357,698
1. Long-term deposits, collaterals and pledges	251	VI.1.12.	1,273,270,882	539,920,882
2. Long-term prepaid expenses	252	VI.1.7.	670,900,975	81,875,977
3. Payment for Settlement Assistance Fund	254	VI.1.8.	13,044,481,687	12,328,560,839
VI. Provision for diminution in value of non-current assets	260		-	-
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		334,496,957,063	315,215,735,123

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District,
Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B01 - CTCK
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

(continued)

Unit: VND

EQUITY AND LIABILITIES	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
C. LIABILITIES (300 = 310 + 340)	300		14,931,679,063	5,238,955,106
I. Current liabilities	310		14,931,679,063	5,238,955,106
1. Short-term borrowings and finance lease liabilities	311	VI.1.24	8,860,000,000	-
1.1. Short-term borrowings	312		8,860,000,000	-
2. Short-term trade payables	320	VI.1.16.	3,268,887,102	49,150,000
3. Short-term advance from customers	321	VI.1.17.	926,950,000	2,559,650,000
4. Taxes and payables to State Budget	322	VI.1.18.	1,191,361,475	1,337,907,244
5. Payables to employees	323		69,474,502	530,640,088
6. Payment for employees' welfare and benefits	324		64,315,308	111,843,378
7. Short-term accrued expenses	325	VI.1.19.	182,802,693	308,923,010
8. Other short-term payables	329	VI.1.20.	367,887,983	340,841,386
II. Long-term liabilities	340		-	-
D. EQUITY (400 = 410 + 420)	400		319,565,278,000	309,976,780,017
I. Owner's equity	410		319,565,278,000	309,976,780,017
1. Owner's contributed capital	411		294,285,000,000	294,285,000,000
1.1. Owner's contributed capital	411.1		300,000,000,000	300,000,000,000
a. Common shares with voting rights	411.1a		300,000,000,000	300,000,000,000
1.2. Share premium	411.5		(5,715,000,000)	(5,715,000,000)
3. Operational risk and financial reserve	415		124,282,981	124,282,981
3. Other Equity Funds	416		124,282,981	124,282,981
4. Retained earnings	417	VI.1.25.	25,031,712,038	15,443,214,055
4.1. Realized earnings after tax	417.1		24,936,600,724	15,444,090,741
4.2. Unrealized earnings	417.2		95,111,314	(876,686)
II. Other budgets and funds	420		-	-
TOTAL EQUITY & LIABILITIES	440		334,496,957,063	315,215,735,123
(440 = 300 + 400)				

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant



Kim Ngoc Huyen



Hoang Thi Mai Huong



Tran Van Chien

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B01 - CTCK
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

(continued)

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
A. ASSETS OF THE COMPANY AND ASSETS MANAGED UNDER AGREEMENT				
1. Outstanding shares	006	VI.1.27.	29,682,500	29,682,500
2. Treasury stock	007	VI.1.28.	317,500	317,500
3. Listed financial assets/ securities trading registration at VSD of Securities company	008	VI.1.13.	46,860,000	1,260,000
B. ASSETS AND PAYABLES UNDER AGREEMENT WITH INVESTORS				
1. Listed/registd financial assets for securities transaction at VSD of investors	021	VI.1.14.	565,913,470,000	803,032,610,000
a. Unrestricted financial assets	021.1		519,911,640,000	737,905,310,000
b. Restricted financial assets	021.2		4,810,000,000	10,640,000,000
d. Blocked financial assets	021.4		40,392,300,000	40,392,300,000
e. Financial assets awaiting for settlement	021.5		799,530,000	14,095,000,000
2. Deposits of customers	026		21,905,200,631	50,885,581,695
2.1. Investors' deposits of securities trading upon management method of Securities company	027	VI.1.15.	21,904,200,631	50,885,581,695
2.2. Deposits of securities issuers	030		1,000,000	-
3. Deposits of securities trading upon management method of Securities company payable to investors	031	VI.1.21.	21,905,200,631	50,885,581,695
3.1. Deposits of securities trading upon management method of Securities company payable to domestic investors	031.1		21,905,171,005	50,885,552,069
3.2. Deposits of securities trading upon management method of Securities company payable to foreign investors	031.2		29,626	29,626

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant



Kim Ngoc Huyen



Hoang Thi Mai Huong



Tran Van Chien

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B02 - CTCK
INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31/12/2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Year 2024	Year 2023
I. OPERATING REVENUE				
1.1. Financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	01		4,111,376,593	2,968,736,164
a. Profit from selling FVTPL	01.1	VI.2.1.1	367,370,000	224,500,000
b. Increase due to revaluation of financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	01.2	VI.2.1.2	95,988,000	-
c. Dividends, profit from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	01.3	VI.2.1.3	3,648,018,593	2,744,236,164
1.2. Gain from loans and receivables	03	VI.2.1.3	1,951,570,653	816,341,104
1.3. Revenue from securities brokerage	06		15,478,091,444	10,987,574,740
1.4. Revenue from securities investment consulting services	08		745,796,621	322,057,143
1.5. Revenue from securities depository activity	09		395,297,766	272,364,032
1.6. Revenue from financial consulting activities	10		4,480,755,460	4,064,260,202
1.7. Revenue from other operating activities	11	VI.2.1.4	604,136,888	472,885,424
Total operating revenue (20 = 01 à 11)	20		27,767,025,425	19,904,218,809
II. OPERATING EXPENSES				
2.1. Loss of financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	21		303,435,000	341,002,120
a. Loss from selling FVTPL	21.1	VI.2.1.1	303,435,000	341,000,000
b. Decrease due to revaluation of financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	21.2	VI.2.1.2	-	2,120
2.2. Self-trading operating expenses	26		-	-
2.3. Securities brokerage activity expense	27	VI.2.4.	9,271,292,852	8,673,749,420
2.4. Securities investment consulting expenses	29	VI.2.4.	446,728,132	254,236,537
2.5. Securities depository activity expense	30	VI.2.4.	268,155,921	323,466,998
2.6. Expenses of financial advisory activities	31	VI.2.4.	3,958,221,347	1,633,127,150
2.7. Expenses of other services	32	VI.2.2.	(10,992,365,630)	7,145,924
Total operating expenses (40 = 21 à 32)	40		3,255,467,622	11,232,728,149
III. FINANCIAL INCOME				
3.1. Revenue, accrued dividends, interests on unfixed bank deposits	42	VI.2.3.	32,210,260	23,618,391
Total revenue from financing activities (50 = 41 → 44)	50		32,210,260	23,618,391
IV. FINANCIAL EXPENSES				
4.1. Interest expenses	52	VI.2.5.	117,487,009	394,260,108
Total financial expenses (60 = 51 → 55)	60		117,487,009	394,260,108

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B02 - CTCK
INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31/12/2024

(continued)

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Year 2024	Year 2023
V. SELLING EXPENSES	61		-	-
VI. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES	62	VI.2.6.	15,306,681,656	7,420,415,489
VII. OPERATING RESULTS (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		9,119,599,398	880,433,454
VIII. OTHER INCOME AND EXPENSES				
8.1 Other income	71	VI.2.7.	468,898,585.00	-
8.2 Other expenses	72	VI.2.8.	-	40,000,000
Total results of other activities (80 = 71 - 72)	80		468,898,585	(40,000,000)
IX. TOTAL ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80)	90		9,588,497,983	840,433,454
9.1. Realized earnings	91		9,492,509,983	840,435,574
9.2. Unrealized earnings	92		95,988,000	(2,120)
X. CORPORATE INCOME TAX EXPENSES	100		-	176,086,691
10.1. Current corporate income tax expenses	100.1	VI.2.9.	-	176,086,691
10.2. Deferred corporate income tax expenses	100.2		-	-
XI. ACCOUNTING PROFIT AFTER CORPORATE INCOME TAX (200 = 90-100)	200		9,588,497,983	664,346,763
XII. OTHER COMPREHENSIVE INCOME (LOSS) AFTER CORPORATE INCOME TAX	300		-	-
Total comprehensive income	400			
XIII. NET INCOME PER ORDINARY SHARE	500		323.04	22.38
13.1. Basic earning per share (VND/share)	501		323.04	22.38
13.2. Diluted earning per share (VND/share)	502		-	-

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant

Kim Ngoc Huyen

Hoang Thi Mai Huong



Tran Van Chien

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B03 - CTCK
CASH FLOW STATEMENT

(Under indirect method)

For the fiscal year ended 31/12/2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Year 2024	Year 2023
I. Cash flow from operating activities				
1. Profit before corporate income tax	01		9,588,497,983	840,433,454
2. Adjustments for:	02		(11,355,281,691)	(1,010,504,031)
- Depreciation of fixed assets	03		605,469,168	172,543,043
- Borrowing interest	06		117,487,009	394,260,108
- Interest income	08		(1,078,237,868)	(1,577,307,182)
3. Increase in non-cash expenses	10		-	2,120
- Loss from revaluation of financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	11		-	2,120
4. Decrease in non-cash revenues	18		(95,988,000)	-
- Gain from revaluation of financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	19		(95,988,000)	-
5. Profit from operating activities before changes in working capital	30		40,825,742,472	(39,187,992,736)
- Increase (decrease) in financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	31		17,977,200,000	(18,000,000,000)
- Increases (decrease) in loans	33		3,894,881,847	(18,545,809,824)
(-) Increase, (+) decrease in receivables and accruals from dividend and interest income of financial assets	36		499,069,314	(1,538,950,607)
(-) Increase, (+) decrease in receivables from services provided by securities company	37		22,884,322,197	(730,588,108)
(-) Increase, (+) decrease in other receivables	39		78,006,970	(18,258,556)
- Increase (decrease) in other assets	40		(1,148,633,750)	-
- Increase (decrease) in accrued expenses (excluding interest expense)	41		(126,120,317)	(579,417,226)
- Increase (Decrease) in prepaid expenses	42		153,563,146	(110,706,362)
(-) Corporate Income Tax paid	43		(205,421,220)	-
(-) Interest paid	44		(117,487,009)	(394,260,108)
- Increase (Decrease) in Trade accounts payable	45		(2,797,762,898)	66,836,880
- Increase (Decrease) in amounts paid for employees	46		(47,528,070)	45,782,256
- Increase (decrease) in tax and other payables to the State (excluding CIT paid)	47		(146,545,769)	310,446,020
- Increase (Decrease) in payables to employees	48		(461,165,586)	86,238,304
- Increase (Decrease) in other payables	50		27,046,597	(189,644,965)
- Other cash inflows for operating activities	51		1,078,237,868	1,577,307,182
- Other cash outflows for operating activities	52		(715,920,848)	(1,166,967,622)
Net cash flow from operating activities	60		38,962,970,764	(39,358,061,193)
II Cash flow from investing activities				
1. Acquisition and construction of fixed assets and other non-current assets	61		(19,165,610,500)	-
2. Proceeds from liquidation, disposal of fixed assets and other non-current assets	62		636,863,637	-
Net cash flow from investing activities	70		(18,528,746,863)	-

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B03 - CTCK
CASH FLOW STATEMENT

(Under indirect method)

For the fiscal year ended 31/12/2024

(continued)

III. Cash flow from financing activities

1. Original loans	73	48,940,000,000	479,822,550,000
2. Repayment of principal	74	(40,080,000,000)	(479,822,550,000)
Net cash flow from financing activities	80	8,860,000,000	-
IV. Increase (Decrease) in net cash in the period	90	29,294,223,901	(39,358,061,193)
V. Opening cash and cash equivalents	101	VL1.1.	243,862,060,408
- Cash	101.1	243,862,060,408	283,220,121,601
VI. Closing cash and cash equivalents	103	VL1.1.	273,156,284,309
- Cash	103.1	37,254,556,343	243,862,060,408
- Cash equivalents	103.2	235,901,727,966	-

CASH FLOWS FROM SECURITIES BROKERAGE, TRUST ACTIVITIES

ITEMS	Codes	Notes	Year 2024	Year 2023
I. Cash flow from securities brokerage, trust activities				
1. Proceed from disposal of brokerage securities of customers	01		2,313,618,476,920	3,574,342,140,370
2. Cash payments for acquisition of brokerage securities of customers	02		(2,127,827,328,510)	(3,621,635,858,210)
3. Cash receipts for settlement of securities transactions of customers	07		2,127,827,328,510	3,621,635,858,210
4. Payment for securities transactions of customers	08		(2,342,330,702,228)	(3,582,502,983,762)
5. Payment of securities custody fees of customers	11		(268,155,921)	(323,466,998)
6. Receipts from securities issuers	14		16,765,903,518	16,177,524,128
7. Payments to securities issuers	15		(16,765,903,353)	(16,177,524,128)
Increase/Decrease in net cash in the period	20		(28,980,381,064)	(8,484,310,390)
II. Opening clients' cash and cash equivalents	30		50,885,581,695	59,369,892,085
Opening cash in bank	31		50,885,581,695	59,369,892,085
- Investor's deposit for securities trading under the method of Securities Company management	32	VI.1.15.	50,885,581,695	59,369,892,085
III. Closing clients' cash and cash equivalents	40		21,905,200,631	50,885,581,695
Closing cash in bank	41		21,905,200,631	50,885,581,695
- Investor's deposit for securities trading under the method of Securities Company management	42	VI.1.15.	21,904,200,631	50,885,581,695
- Issuers' deposit	45		1,000,000	

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant

Kim Ngoc Huyen

Hoang Thi Mai Huong

General Director

CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
UP

Tran Van Chien

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS
For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B04 - CTCK

STATEMENT OF CHANGES IN OWNERS' EQUITY
For the fiscal year ended 31/12/2024

Unit: VND

Items	Notes	Opening balance		Increase/decrease				Closing balance	
		01/01/2023	01/01/2024	Year 2023		Year 2024		31/12/2023	31/12/2024
				Increase	Decrease	Increase	Decrease		
I. Changes in owner's equity									
1. Owner's contributed capital		300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
1.1. Ordinary shares with voting right		300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Treasury stock		(5,715,000,000)	(5,715,000,000)	-	-	-	-	(5,715,000,000)	(5,715,000,000)
3. Funds of financial reserve and accounting activity risk		124,282,981	124,282,981	-	-	-	-	124,282,981	124,282,981
4. Other Equity Funds		124,282,981	124,282,981	-	-	-	-	124,282,981	124,282,981
5. Retained earnings		14,778,867,292	15,443,214,055	664,348,883	2,120	9,588,497,983	-	15,443,214,055	25,031,712,038
5.1. Realized earnings after tax		14,779,741,858	15,444,090,741	664,348,883	-	9,492,509,983	-	15,444,090,741	24,936,600,724
5.2. Unrealized earnings		(874,566)	(876,686)	-	2,120	95,988,000	-	(876,686)	95,111,314
Total		309,312,433,254	309,976,780,017	664,348,883	2,120	9,588,497,983	-	309,976,780,017	319,565,278,000

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant




Kim Ngoc Huyen

Hoang Thi Mai Huong



Tran Van Chien

(Notes from page 14 to page 42 are an integral part of these Financial Statements).

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

I. Business highlights

1. Structure of ownership

UP Securities Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") formerly known as Royal International Securities Joint Stock Company was established and operates under the Establishment and Operation License No. 58/UBCK-GPHDKD dated July 6, 2007; Adjusted License No. 80/GPDC-UBCK dated April 19, 2012; Adjusted License No. 116/GPDC-UBCK dated December 13, 2012; Adjusted License No. 56/GPDC-UBCK dated December 8, 2015; License No. 07/GPDC-UBCK dated March 24, 2016; Adjustment License No. 28/GPDC-UBCK dated July 18, 2017 and Adjustment License No. 100/GPDC-UBCK dated November 5, 2021 issued by the State Securities Commission. Then, Royal International Securities Joint Stock Company was renamed UP Securities Joint Stock Company according to Adjustment License No. 94/GPDC-UBCK dated December 18, 2024 issued by the State Securities Commission.

According to Adjustment License No. 56/GPDC-UBCK dated December 8, 2015:

- Registered charter capital: **VND 300,000,000,000** (Three hundred billion Vietnam dong).
- Par value of shares: VND 10,000

The Securities Company Charter was issued in 2007 and amended and supplemented for the 9th time on October 17, 2024.

2. Business lines

The Company's principal business lines are:

- Securities brokerage;
- Securities proprietary trading;
- Security depository;
- Securities
- Financial consulting and securities investment advisory service.

Company headquarters at: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi.

3. Borrowing, lending and investment restrictions

Borrowing restriction

Under Article 26 of Ministry of Finance Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31/12/2020:

- Total liability of a securities company is not over 5 times more than its equity. Total liability prescribed herein does not include the followings:

- a) Clients' funds held in trust for trading of stocks;
- b) Award and welfare fund;
- c) Redundancy or lay-off provisions;
- d) Provisions for compensation for investor's losses:

- The maximum short-term liability of a securities company is equal to total short-term asset.

- Securities companies offering securities for sale shall comply with the regulations in Article 31 of Law on Securities, and the decree elaborating on the implementation of several articles of Law on Securities, Laws on Issuance of Corporate Securities, and shall comply with the ratio prescribed in clause 1 and 2 of this Article.

Lending restriction

Under Article 27 of Ministry of Finance Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31/12/2020:

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

- Except as provided by clause 1 of Article 86 in Law on Securities, securities companies are not allowed to lend money or securities in any form.
- Securities companies are not allowed to put up money or assets in their or clients' ownership as security for third-party payment obligations.
- Securities companies are not allowed to offer loans in any form to owners, major shareholders, members of the Supervisory Boards, members of the Boards of Management, members of the Members' Council, members of the Boards of Directors, Chief Accountants, other office holders appointed by the Boards of Management and relatives of the aforesaid persons.
- Securities companies which are allowed to perform trades on margin in accordance with laws can lend money to clients to buy securities in the form of margin trading under the guidance of the Ministry of Finance.
- Securities companies may lend securities to correct transaction errors, or perform swaps of exchange traded funds or other transactions in accordance with relevant laws.

Investment restriction

Under Article 28 of Ministry of Finance Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31/12/2020:

- Securities companies are not allowed to buy, contribute capital to buy real estate, unless they are used as head offices, branches or transaction offices directly performing services of Securities companies.
- Securities companies can buy and invest in real property as prescribed in clause 1 of this Article and fixed assets on condition that the residual value of fixed assets and real property does not exceed 50% of their total asset.
- Total investment in corporate bonds by a securities company does not exceed 70% of its equity. Securities companies obtaining licenses for the proprietary trading of securities may buy back listed bonds according to relevant regulations on bond repurchases.
- A securities company is not allowed to directly perform, or give trust to other entity or person to perform the following acts:
 - + Holding stocks of or making capital contribution to any company owning more than 50% of the former's charter capital, except in case of buying the odd lot of stocks upon the client's request;
 - + Joining with related persons to own at least 5% of the charter capital of another securities company;
 - + Holding over 20% of total number of outstanding shares or fund certificates of a listed entity;
 - + Holding over 15% of total outstanding shares or fund certificates of an unlisted entity. This restriction shall not be applied to member fund certificates, exchange traded funds and open-ended funds;
 - + Investing or contributing over 10% of total contributed capital of a limited liability company or business project;
 - + Investing or contributing over 15% of total equity of a business entity or project;
 - + Investing more than 70% of equity in stocks, share capital and business projects, including more than 20% of equity which is invested in unlisted stocks, share capital and business projects.
- Securities companies may establish or acquire fund management companies as their subsidiaries. In this case, Securities companies are not required to comply with regulations in point c, d and đ of Clause 4 of this Article. Securities companies wishing to establish or acquire fund management companies as their subsidiaries shall meet the following requirements:
 - + The equity existing after contributing capital to establish or acquiring fund management companies as subsidiaries shall be equal to the minimum charter capital required for current business activities;

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS
For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

- + The minimum liquidity ratio existing after contributing capital to establish or acquiring fund
- + After contributing capital to establish or acquiring fund management companies as subsidiaries, Securities companies shall obey restrictions on borrowing prescribed in Article 26 herein and restrictions on investment prescribed in clause 3 of this Article and point e of Clause 4 of this Article.
- Where any Securities company makes investments in excess of the prescribed limit due to its underwriting in the form of firm commitment, amalgamation, merger or any change in assets or equity of its own or capital contributors, it shall take necessary actions to comply with the limits.

4. Notes on comparative information in the Financial Statements

Respective information, data and figures presented in the Financial Statements of the Company for the fiscal year ended 31/12/2024 are comparative.

5. Employees

Number of employees as at 31/12/2024 is 81 people (as at 31/12/2023 is 48 people).

6. Characteristics of business activities in the fiscal year affecting the Financial Statements

According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated August 3, 2024 and the Adjustment License No. 94/GPĐC-UBCK dated December 18, 2024, Royal International Securities Joint Stock Company changed its name to UP Securities Joint Stock Company, abbreviated as UPS and changed its legal representative to Mr. Nguyen Quang Dat with the title of General Director. Therefore, the seal used to confirm the data of the Financial Statement for the fiscal year ending December 31, 2024 is the seal of UP Securities Joint Stock Company.

II. Accounting period and currency used in accounting

1. Accounting period

The Company's accounting period begins on 01/01 and ends on 31/12 the calendar year.

2. Currency used in accounting

The currency used in accounting is Vietnamese dong ("VND") and accounted for under the historical cost convention in accordance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system, accounting system applicable to securities companies and legal regulations relevant to the preparation and presentation of Financial Statements of Securities companies.

III. Applied accounting standards and system

1. Applied accounting standards and system

The Company applies the accounting system applicable to Securities companies under Ministry of Finance Circular 210/2014/TT-BTC of 30/12/2014 and Circular 23/2018/TT-BTC supplementing some indicators on the Financial Statement formats provided in Circular 210/2014/TT-BTC of 30/12/2014 and Circular 334/2016/TT-BTC (Circular 334) of 27/12/2016 amending and replacing Appendices 02 and 04 of Ministry of Finance Circular 210/2014/TT-BTC of 30/12/2014 guiding the accounting system applicable to Securities companies.

2. Statement on compliance to accounting standards and system

The Company's Financial Statements have been prepared in accordance with the current Vietnamese Accounting Standards, accounting system applicable to Securities companies and legal regulations relevant to the preparation and presentation of Financial Statements of Securities companies.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

IV. Summary of significant accounting policies
1. Accounting estimates

The preparation of Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to the preparation and presentation of Financial Statements requires the Board of Directors to make reasonable estimates, calculations and assumptions that affect the reported amounts of liabilities and assets and the presentation of liabilities and contingent assets at the date of the Financial Statements, as well as the reported amounts of revenue and expenses throughout the operating period. Although accounting estimates have been made to the best of management's knowledge, the actual amounts incurred may differ from the estimates and assumptions made.

2. Cash and cash equivalents
Capital-in-cash recognition
Operating deposits of securities company

Cash is an aggregate index reflecting the total cash amount owned by the company at the reporting date, including cash on hand, demand deposits, short-term investments, which are highly liquid, easily convertible to cash and subject to low risk of changes in value.

Cash deposited by investors for securities trading and deposits of other securities issuers are presented as off-balance sheet items.

Deposits of investors

Investors' deposits represents the client's deposits for securities trading as managed by the Securities company.

Deposits of securities issuers

Deposits of securities issuers are the deposits collected for sales of securities guaranteed for issuance by the Securities company as an underwriter.

3. Accounting for FVTPL financial assets, lending and receivables
3.1 Classification of financial assets and liabilities on the Company's investments list
Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL) on Company investment list

Financial assets recognized at fair value through profit and loss (FVTPL financial assets) are financial assets that satisfy either of the following conditions:

a) Financial assets are classified as being held for trading. A financial asset is classified as an item of the group held for trading if:

- It is acquired or created principally for selling or re-purchasing in a short period of time;
- There is evidence that this instrument has been traded for short-term profit-making; or
- It is a derivative instrument (except for a derivative instrument defined as a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

b) Upon initial recognition, a financial asset is more appropriately presented if classified as an FVTPL financial asset for one of the following reasons:

- Classification of an asset into FVTPL financial assets eliminates or significantly reduces inconsistencies in the recognition or valuation of financial assets on different bases.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

- Assets of a group of financial assets are managed and the performance of such management is viewed on a value basis in accordance with the risk management policies or investment strategies of the Company.

These financial assets are shares, bonds, cash instruments, derivatives (for risk hedging purpose).

Financial assets are removed from FVTPL in the case that they are lending amounts or receivables which are aimed to be held in a definite period of time in the future or up to the maturity or the financial assets are deposits classified into cash and cash equivalents.

Securities companies who wish to sell financial assets of non-FVTPL nature shall reclassify the financial assets from other related assets to FVTPL financial assets. Differences due to the re-valuation of financial assets currently recorded under Item "Differences due to re-valuation at fair value" are recognized into the corresponding income and expenses at the date of financial asset reclassification for sales.

Non-derivative FVTPL financial assets which are not required to be classified into a group of FVTPL financial assets at initial recognition might be re-classified into lending and receivables in special cases or into cash and cash equivalents if they satisfy conditions for being re-classified into these groups. Profit or loss which is recognized upon re-valuation of FVTPL financial assets before the date of re-classification shall not be reserved.

Held-to-maturity (HTM) investments

Held-to maturity (HTM) investments consist are non-derivative financial assets with fixed or identifiable payments and with fixed maturity that the Company intends and is able to hold to the maturity date, except for:

- Financial assets classified as financial assets recognized at fair value through profit or loss at the initial recognition;
- Financial assets classified as being available for sales; or
- Financial assets that meet the defined criteria of lending and receivables.

If the Company changes its intention or ability of holding an asset and the classification of an investment into HTM investment is no longer appropriate, this investment shall be reclassified to AFS financial assets and re-valued at fair value. The difference between the book value and fair value shall be recorded into the income statement as Difference due to re-valuation of assets at fair value.

Lending

Lending is non-derivative financial assets with fixed or identifiable payments and not listed on the perfect securities market, with the exceptions of;

Amounts that the Company has the intention to sell now or in near future are classified as assets held for trading, as are the amounts that, upon initial recognition, categorized at fair value through profit or loss statements;

The amounts categorized by the Company as available for sale upon initial recognition; or

The amounts with most of the initial investment value being recoverable for the reason of reducing credit quality and categorized as available for sale.

3.2 Recognizing and accounting for re-valuation of investments at market value, fair value or historical cost

FVTPL financial assets listed as Main financial assets of the Company:

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

FVTPL financial assets are recognized at the cost of securities purchased (historical cost). The cost of purchasing FVTPL financial assets is recognized into trading cost of the financial assets on the income statement as incurred.

After the initial recognition, FVTPL financial assets are recognized at the market value. Any gain or loss incurred from changes in value of these financial assets shall be classified as part of FVTPL group and recognized into the income statement.

At the end of the accounting period, FVTPL financial assets listed as Financial assets of the securities company shall be re-valued at the market price or fair value (in case no market price is available).

At the first re-valuation, the fair value of FVTPL financial assets listed as financial assets of the securities company are recorded into Account 1212 "Difference on re-valuation" as the difference between re-valued amount of FVTPL financial assets at the re-valuation time at the market price or fair value and the initial purchase price of the FVTPL financial assets listed as financial assets of the securities company.

For the presentation of the statement of financial position, the Item "FVTPL financial assets" is recorded at net amount (The item is computed as follows: FVTPL financial assets = Debit Balance on Account 1211 "Purchase price" plus (+) Debit Balance on Account 1212 "Increase due to re-valuation of FVTPL financial assets" or minus (-) Credit Balance on Account 1212 "Decrease due to re-valuation of FVTPL financial assets" for FVTPL financial assets listed as financial assets of the securities company).

The representation of FVTPL financial assets listed as financial assets of the securities company in Notes to the financial statements shall be made with 3 norms: Purchase price, Re-valued amount and Net value (Purchase price +/- re-valued amount) for all groups of FVTPL financial assets.

Increase or decrease due to re-valuation of FVTPL financial assets FVTPL financial assets listed as financial assets of the securities company is recorded on the no-offsetting principle and represented in the income statement with 2 norms:

Decrease due to re-valuation of FVTPL financial assets is recorded as "Loss and cost of proprietary trading FVTPL financial assets", detailed for "Decrease due to re-valuation of FVTPL financial assets".

Increase due to re-valuation of FVTPL financial assets is recorded into the norm "Income", detailed for "Increase due to re-valuation of FVTPL financial assets".

Increase or decrease difference due to re-valuation of FVTPL financial assets listed as financial assets of securities company shall determine the unrealized profit or loss in the period.

Held-to-maturity (HTM) investments

Held-to-maturity investments include term deposits at bank, which have been recognized since the date such deposit transactions commenced.

Held-to-maturity investments are reviewed for impairment at the reporting date. Provisions are made for HTM investments upon objective evidence showing that it is not probable or uncertain that the investment could be recovered as a consequence of an event or events that have happened and had negative impact on the expected future cash flows from such HTM investments.

Lending

Lending amounts are initially measured at historical cost (the disbursement value of the lending). After the initial recognition, lending is recorded at the allocated value by real-interest rate method.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

Amounts allocated as lending are determined at the initial value of financial assets less the repayment of principal plus (less) accumulated allocation by the real-interest-rate method on the difference between initial value and maturity value, less provisions for impairment or irrecoverability in the assets (if any).

Lending is taken into considerations for the possibility of impairment at the reporting date. Provision for lending is made based on the expected loss which is calculated as the difference between the market price of securities pledged for the lending and the outstanding balance of this lending. Any increase or decrease in the balance of provisions is recognized in the income statement in the item "Provisions for impairment in financial assets, bad debts written off, impairment loss of financial assets and borrowing costs for the lending".

4. Fair value of financial assets

The market value of financial assets is determined as follows:

+ For securities listed on the Hanoi Stock Exchange and Ho Chi Minh City Stock Exchange, the market prices are the closing prices on the most recent trading day from the date on which securities are valued.

+ For securities yet to be listed on the Stock Exchanges but registered for trading on the Unlisted Public Company Market (UPCOM), their market prices are their average closing prices on the most recent trading day from the date on which securities are valued.

+ For de-listed, suspended or discontinued trading securities on the sixth trading day and afterward, their actual securities prices are the book value at the latest reporting date of the Statement of Financial Position.

5. Fixed asset recognition and depreciation
5.1. Tangible fixed asset

Tangible fixed assets are stated at cost and presented in the balance sheet in terms of historical cost, accumulated depreciation and carrying amount.

The cost of procured tangible fixed assets comprises their purchase price (excluding trade discount or other discount), taxes and directly attributable costs of bringing the assets into the ready-for-use. Expenses incurred after the initial recognition of tangible fixed assets are recognized at an increase in cost when these expenses certainly bring more economic benefits in the future. Those which do not meet the above conditions are recognized into production costs of the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. For accounting purpose, tangible fixed assets are categorized by nature and purpose of use in the Company's production process, as follows:

<i>Categories</i>	<i>Useful life (year)</i>
Means of transport	06
Management equipment	05 - 07

Gains and losses arising from the liquidation of assets are the difference between the proceeds from the liquidation and the carrying amount of the assets and are recorded in the Income Statement.

5.2 Intangible fixed assets

Intangible assets are stated at cost and presented in the balance sheet at historical cost, accumulated amortization and carrying amount.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

The cost of intangible assets comprises all expenses paid by the Company up to the time of bringing the assets to its ready-for-use condition. Expenses incurred after the initial recognition of intangible fixed assets are recognized into production costs of the period unless these expenses are associated to a specific intangible asset and increase economic benefits from this asset.

When an intangible asset is disposed, historical cost and accumulated amortisation are written off and any gain or loss from the disposal is recognized into income or expense in the year.

The Company's intangible assets are trading management software and accounting software.

Computer software

The costs related to computer software shall not be an integral part of capitalized hardware. The historical cost of computer software comprises all expenses paid by the Company up to the time the software is put to use. Software is amortized using the straight-line method over a period from 04 - 05 years.

6. Receivables recognition

Receivables are the sum of money to be recovered from clients or other debtors. Receivables include trade receivables from sales of financial assets, receivables from services rendered, receivable and accrued dividends, interest of financial assets, internal accounts and other receivables. Receivables are presented at net book value less provisions for impairment in receivables. Receivables are not recorded higher than the recoverable amount.

Receivables are classified as presented below:

- Trade accounts receivable consist of receivables with commercial nature arising from the transactions of financial assets purchasing and selling;
- Receivables from securities companies' services rendered for investors.
- Other receivables comprise receivables of non-commercial nature unrelated to purchasing-selling transactions.

Receivables are recognized by debtor and due date and other requirements of management.

7. Principles and methods of accounting for provisions for doubtful debts:

Receivables are taken into account for provision making for impairment by the aging of the overdue account or by the loss expected to incur in the case of an account within the due date but the debtor entity going broke or with business dissolution underway, debtors going missing, in hiding or under persecution, arrest, judgment by authority of law or already deceased. Provision expenses incurred are recognized as other expenses in the Income Statement.

Provision for doubtful debts is made for overdue receivables stated in economic contracts, contractual commitments or debt repayment commitments that the enterprise has repeatedly requested but has not yet recovered, or receivables that the debtor is unlikely to be able to pay due to liquidation, bankruptcy or similar difficulties.

For overdue debts, the Board of Directors also assesses the expected recovery of these debts to determine the necessary provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is established for possible losses on debts that have not yet reached maturity, assessed by the Board of Directors after considering the recovery of these debts.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

8. Short- and long-term collaterals, mortgages, deposits

Collaterals, mortgages and deposits represent the amount of office lease deposits and other deposits that are recognized at historical cost and presented over the term of lease.

9. Prepaid expenses

Prepaid expenses consist of actual expenses incurred but related to the business performance of various accounting periods. Prepaid expenses are deferred costs of tools and instruments in use, prepaid office rentals and other prepayments.

Tools, instruments: Cost of tools and instruments in use is released into expenses by straight-line method over a period not exceeding 03 years.

Prepaid office lease is released into expenses over the term of lease stated in the lease contract. Other prepayments are expensed on a straight-line basis over a period not longer than 03 years.

10. Short- and long-term liabilities recognition
10.1 Financial liabilities and loans and obligations under finance lease
Loans and obligations under finance lease

Loans and obligations under finance lease are recognized on the basis of receipts, bank vouchers, loan agreement and finance lease contracts.

Loans and obligations under finance lease are recognized by lender and maturity.

10.2 Classification of payables for security trading, payables to investors for trading deposits, payables to issuers and other payables

Payables are amounts payable to suppliers and other creditors. Payables include amounts payable for securities trading activities and investors' securities trading deposits payable and other payables. Payables are not recognised lower than their payment obligation.

Classification of payables is conducted on the following principle:

- Payables for securities trading represent amounts payable to organisations providing services of selling and purchasing financial assets of the Company or clients via the Stock Exchange in which the Company acts as a member or payables to agents involved in the issuance of stocks for securities issuers in connection with securities underwriting by the Company. Trade payables for materials, services and labors are not part of Item "Payables for securities trading activities".

- Security trading deposits payable to investors represent the amount of investors' trading deposits managed by the Company via a special-purpose account maintained at a commercial bank. These trades include the making of Margin, Repo transactions and the advancing of proceeds from sale of financial assets. Security trading deposits payable to investors are presented as off-balance sheet items.

- Other payables include amounts payable of non-commercial nature, unrelated to the transactions of purchasing, selling and supplying goods, services.

Payables are recognized by creditor and due date.

10.3 Recognition of payables for securities trading

Payables for securities trading represents the amount of fees payable to entities providing securities trading services determined as appropriate with the amount of trading realized and the amount of fees agreed upon between the service provider entity and the Company. Payables for securities trading are recognised on the principle of a commitment being obtained on providing the client with the service relevant to the revenue realized for business activities prescribed in the Company's license.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

10.4 Taxes and amounts payable to State budget
Value added tax (VAT)

The Company computes and declares VAT in accordance with the current tax law at the VAT tax rate of 10% applicable to financial consulting service and is not subject to VAT for the services of securities brokerage, securities proprietary dealing, securities underwriting, securities investment advisory, securities depository and lending to clients for trading deposits and advancing of proceeds from securities sales,...

Corporate income tax

Corporate income tax represents the total amount of current tax payable.

Current tax payable is computed on taxable profit in the year. Taxable profit differs from net profit presented in the income statement because taxable profit does not include assessable incomes or expenses or tax deductible in other years (including the amounts of loss carried forward, if any) and otherwise excludes non-taxable or non-deductible items.

The Company applies corporate income tax rate at 20% on taxable profit.

The determination of taxable income and tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and its ultimate determination depends on the results of tax authorities' examination.

Other taxes and fees payable

Other taxes and fees are declared and paid to local tax authorities in accordance with the prevailing tax law in Vietnam.

10.5 Short- and long-term accrued expenses

Accrued expenses include transaction expenses payable to the Hanoi Stock Exchange, Ho Chi Minh Stock Exchange and other expenses actually incurred in the reporting period but not yet paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents, recorded in the production costs of the period.

11. Recognition of shareholders' equities and profits
11.1 Shareholders' equities

Shareholders' equities are recognized as actually contributed by the shareholders.

Treasury stocks are shares issued by the Company and re-purchased by the very Company. For treasury stocks held by the Company, the Company is entitled to no dividend and has no rights to vote or participate in the Company's division of properties upon its dissolution. By the time of paying dividend to shareholders, Treasury stocks held by the Company are taken as unsold shares. The value of these treasury stocks is presented at the cost of buy-back including the repurchase price and expenses directly attributed to the buy-back, such as trading, communication, etc.

Other funds of equity nature are raised at 5% of profit after tax in accordance with General Meeting of Shareholders' Resolution.

11.2 Recognition of profit, earning

Retained earnings include:

- Profit realized in the period that represents the difference between the total revenue and income and the total expenses recognized in the Company's income statement other than financial assets re-valuation gain/loss recognized as part of unrealized profit.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

- Unrealized profit of the accounting period that represents the difference between the total financial assets re-valuation gain/loss recognized as part of the reported profit and loss in the income statement under the list of Financial assets.

11.3 Distribution of dividend, profit

Retained earnings represent the profits from business operation less corporate income tax of the current year and the retroactive adjustments due to changes in accounting policies and the retroactive adjustment of material misstatements in the previous years.

Distribution of dividend, profit: Net profit after corporate income tax and dividend is paid/distributed to investors as approved by the Board of Management in its annual meeting and upon the making of mandatory reserves funds as in the Company's Charter, general meeting of shareholders' resolution and relevant statutory regulations applicable to the Company.

Retained earnings accumulated at the end of year (N-1) serves a basis for profit distribution to owners. Unrealized profit as at the end of year (N-1) provides no basis for profit distribution.

12. Recognition of revenue and other income

12.1 Revenue and other income, estimated dividend and financial assets derived gains

The Company's revenue comprises income from securities trading, and revenue from brokerage services, securities depository and securities underwriting, investment advisory service and corporate finance advisory services, etc.

Securities trading income

Income from securities trading is determined as the difference between the selling price and the weighted average cost of securities.

Revenue from providing services (securities brokerage, securities depository, securities underwriting, securities issuance agency, securities investment consulting, auction entrustment, financial consulting...)

Revenue is recognized at the time of transactions taking place as it is certain that economic benefits are gained and determined at the fair value of options regardless of whether cash is received or not.

Revenue from rendering services to clients shall be in line with the business activities prescribed in the Incorporation and Operation License issued for the Company. Revenue from services rendered is regarded as completed on the basis that the clients have made payment in cash or pledged to pay or deduct their liability from the securities sale proceeds due to them.

Revenue from brokerage service is recognized as the securities trading transaction has been completed.

Interest income

Interest income is recognized on an accrual basis as determined on the balances of deposits and interest rates in the period.

Dividend and profit paid

Paid dividend and profit are recognized when the Company has the right to receive dividend or profit for its capital contribution. Dividend received in shares is only recognized by the number of additional shares, and not by the value of shares received.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

13. Recognition of financial asset trading loss and expenses

Financial assets trading expenses represent the losses from sales of FVTPL financial assets, cost of purchasing FVTPL financial assets, decrease difference from re-valuation of FVTPL financial assets and loss/impairment of financial assets listed as FVTPL financial assets invested by the Company.

14. Costing of proprietary trading securities sold

The Company adopt the case-by-case average weighted method for costing of its proprietary trading securities.

15. Financial expenses

Financial expenses recognized in the income statement are the total finance cost incurred in the period without being offset with financial income, including interest expenses, etc.

16. Recognition of general and administrative expenses

General and administrative expenses presented in the income statement represent the general expenses that comprise management staff cost (salaries, wages, allowances...), social insurance, health insurance, Trade Union fee, lay-off insurance for management staff, office supplies, working tools, depreciation of assets in use for management purpose, license tax, outsource services (power, water, phone and fax); and other expenses in cash (client entertainment, meetings...).

V. Financial risk management
1. Quantitative and qualitative measurement of financial risk

The Company is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk in its regular operations. The Company's management policies for financial risk as a whole focus on forecasting unexpected fluctuations in the market and mitigating their bad impacts on the Company's business performance.

2. Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting its financial obligations due to a shortage of funds. The Company's liquidity risk arises primarily from the mismatches of maturities of financial assets and liabilities

The Company monitors its liquidity risk by maintaining a level of cash and cash equivalents deemed as adequate by the Board of General Directors to finance the Company's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

3. Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate alongside the changes in the market. Market prices expose risk of the such types as interest rate risk and other price risk. Financial instruments affected by the market risk are deposits and short term investments. Market risk management is aimed for managing and controlling market risks within acceptable limits while profit can still be maximized.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS
For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

VI. Additional Information to the Financial Statements

1. Notes on the Statement of Financial Position

1.1. Cash and cash equivalents

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cash	37,254,556,343	243,862,060,408
Cash on hand	77,713,664	923,040,066
Cash at bank for securities trading	37,176,842,679	242,939,020,342
Cash equivalents (*)	235,901,727,966	-
Total	273,156,284,309	243,862,060,408

(*) Deposit contracts with a total value of VND 235,901,727,966 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Thai Ha Branch; term not exceeding 3 months; interest paid at the end of the term; renewal contract and renewal interest rate at December 31, 2024 is 4.2%/year.

1.2. Advances to suppliers

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Shortterm		
Ky Lan Asset Management JSC	6,000,000,000	-
Others	137,500,000	120,000,000
Total	6,137,500,000	120,000,000

1.3. Value and quantity of securities traded in the year

Items	Quantity of securities traded in the year	Value of securities traded in the year (VND)
a) Securities companies		
- Shares	994,200	31,059,485,000
Total	994,200	31,059,485,000
b) Investors		
- Shares	222,388,680	4,441,445,805,430
Total	222,388,680	4,441,445,805,430

1.4. Financial assets

1.4.1 Financial assets at fair value through profit/loss (FVTPL)

Unit: VND

FVTPL financial assets	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost	Fair value	Historical cost	Fair value
Listed shares	23,760,186	118,871,500	960,186	83,500
MMC	245,445	-	245,445	-

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

HAI	16,820	13,500	16,820	13,500
FLC	427,921	70,000	427,921	70,000
ROS	270,000	-	270,000	-
SSI	22,800,000	118,788,000	-	-
Certificate of deposit (*)	-	-	18,000,000,000	18,000,000,000
Total	23,760,186	118,871,500	18,000,960,186	18,000,083,500

(*) Deposits under term deposit contracts with interest rate of 8.6%/year are used as collateral for short-term overdraft loans at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Hai Ba Trung Branch. Deposit contracts settled during the year.

1.4.2 Lending and receivables

Unit: VND

Lending and receivables	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost	Fair value	Historical cost	Fair value
Lending for Margin trading	18,413,767,155	18,413,767,155	6,060,994,584	6,060,994,584
Lending by advancing proceeds from sale of client's securities	435,595,122	435,595,122	16,683,249,540	16,683,249,540
Total	18,849,362,277	18,849,362,277	22,744,244,124	22,744,244,124

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP**

Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

☎(+84) 243944 6666 📠(+84) 243944 6969

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.4.3 Fluctuation of group investments due to revaluation at market price

Unit: VND

No.	31/12/2024						01/01/2024				
	Types of financial assets	Purchase price	Market value or current value	Current valuation difference		Re-valued amount	Purchase price	Market value or current value	Current valuation difference		Re-valued amount
				Increase	Decrease				Increase	Decrease	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
1	FVTPL	23,760,186	118,871,500	95,988,000	876,686	118,871,500	18,000,960,186	18,000,083,500	-	876,686	18,000,083,500
	Share	23,760,186	118,871,500	95,988,000	876,686	118,871,500	960,186	83,500	-	876,686	83,500
	HAI	16,820	13,500	-	3,320	13,500	16,820	13,500	-	3,320	13,500
	FLC	427,921	70,000	-	357,921	70,000	427,921	70,000	-	357,921	70,000
	ROS	270,000	-	-	270,000	-	270,000	-	-	270,000	-
	MMC	245,445	-	-	245,445	-	245,445	-	-	245,445	-
	SSI	22,800,000	118,788,000	95,988,000	-	118,788,000	-	-	-	-	-
2	Fixed Term Deposit	-	-	-	-	-	18,000,000,000	18,000,000,000	-	-	18,000,000,000
	Deposits with term from 03 months to less than 01 year	-	-	-	-	-	18,000,000,000	18,000,000,000	-	-	18,000,000,000
	Total	23,760,186	118,871,500	95,988,000	876,686	118,871,500	18,000,960,186	18,000,083,500	-	876,686	18,000,083,500



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Tầng 8, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

(+84) 243944 6666 (+84) 243944 6969

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.5. Provision for bad debts

Unit: VND

No.	Bad debts for which provisions are required	Amount	Ref.	Opening balance (01/01/2024)	Provisions made	Amounts reversed	Closing balance (31/12/2024)
1	Provision for other doubtful debts	24,792,367,600		11,000,000,000	-	11,000,000,000	-
	Provision for receivables from securities business cooperation contracts (*)	24,792,367,600		11,000,000,000	-	11,000,000,000	-
	Nguyen Huu Tuan	3,792,367,600		2,240,740,741	-	2,240,740,741	-
	Pham Thanh Nam	21,000,000,000		8,759,259,259	-	8,759,259,259	-
	Total	24,792,367,600		11,000,000,000	-	11,000,000,000	-

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

 Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.6. Other receivables	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) <i>Receivables and accruals from dividend and interest income of investments</i>	1,078,237,868	1,577,307,182
Accrued term-deposit interest	1,078,237,868	1,577,307,182
b) <i>Receivables for services rendered as security company</i>	266,829,192	25,252,749,974
Securities brokerage service	2,009,192	44,542,374
Receivable from investment cooperation contract	-	24,792,367,600
- Nguyen Huu Tuan	-	3,792,367,600
- Pham Thanh Nam	-	21,000,000,000
Financial consulting activities receivables	264,820,000	415,840,000
Total	1,345,067,060	26,830,057,156

1.7. Prepaid expenses	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) <i>Short-term</i>	522,812,129	1,265,400,273
Deferred tools and instruments in use	291,368,558	41,585,573
Office rentals	231,443,571	1,223,814,700
b) <i>Long-term</i>	670,900,975	81,875,977
Deferred tools and instruments in use	670,900,975	81,875,977
Total	1,193,713,104	1,347,276,250

1.8. Payment for Settlement Support Fund	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Initial payment	120,000,000	120,000,000
Additional payment	7,008,229,328	6,896,444,753
Annual interest earned	5,916,252,359	5,312,116,086
Total	13,044,481,687	12,328,560,839

1.9. Tangible fixed assets			Unit: VND
Items	Means of transport	Management equipment	Total
Historical cost			
Balance as at 01/01/2024	2,072,818,400	2,964,470,212	5,037,288,612
Purchased in the year	-	9,026,917,900	9,026,917,900
Disposal	(2,072,818,400)	-	(2,072,818,400)
Balance as at 31/12/2024	-	11,991,388,112	11,991,388,112
Accumulated depreciation			
Balance as at 01/01/2024	1,875,814,046	2,964,470,212	4,840,284,258
Charge in the year	29,039,302	322,837,689	351,876,991
Disposal	(1,904,853,348)	-	(1,904,853,348)
Balance as at 31/12/2024	-	3,287,307,901	3,287,307,901

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

Carrying amount

As at 01/01/2024	197,004,354	-	197,004,354
As at 31/12/2024	-	8,704,080,211	8,704,080,211

Historical cost of tangible fixed assets fully depreciated but still in use at year end: VND 2,964,470,212
(As at 31/12/2023: VND 4,097,930,212).

1.10. Intangible fixed assets

Items	Software	Unit: VND Total
Historical cost		
Balance as at 01/01/2024	3,097,999,470	3,097,999,470
Purchased in the year	7,163,852,600	7,163,852,600
Balance as at 31/12/2024	10,261,852,070	10,261,852,070
Accumulated amortisation		
Balance as at 01/01/2024	3,097,999,470	3,097,999,470
Charge in the year	253,592,177	253,592,177
Balance as at 31/12/2024	3,351,591,647	3,351,591,647
Carrying amount		
As at 01/01/2024	-	-
As at 31/12/2024	6,910,260,423	6,910,260,423

Historical cost of intangible fixed assets fully amortised but still in use at year end: VND 3,097,999,470
(As at 31/12/2023: VND 3,097,999,470)

1.11. Construction in progress

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Portal Website Development	24,840,000	-
Build core listed securities trading software	2,950,000,000	-
Total	2,974,840,000	-

1.12. Assets held for mortgage, deposits

Assets	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Long-term		
Office lease deposit	1,201,770,882	483,420,882
Other deposits	71,500,000	56,500,000
Total	1,273,270,882	539,920,882

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

 Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.13. Securities company financial assets listed/registered for trading

Financial assets	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Freely traded financial assets	46,860,000	1,260,000
Total	46,860,000	1,260,000

1.14. Investors' financial assets listed/registered for trading

Financial assets	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Freely traded financial assets	519,911,640,000	737,905,310,000
Financial assets for limited trading	4,810,000,000	10,640,000,000
Blocked financial assets	40,392,300,000	40,392,300,000
Financial assets pending settlement	799,530,000	14,095,000,000
Total	565,913,470,000	803,032,610,000

1.15. Investors' deposits

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Investors' deposits for securities trading as managed by securities companies	21,904,200,631	50,885,581,695
1.1 Domestic investors' deposits for securities trading as managed by Securities companies	21,904,171,005	50,885,552,069
1.2 Foreign investors' deposits for securities trading as managed by Securities companies	29,626	29,626
2. Deposits for securities transactions for customers	-	-
3. Deposits of securities issuers	1,000,000	-
Total	21,905,200,631	50,885,581,695

1.16. Trade payables

	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost	Fair value	Historical cost	Fair value
Short-term				
D.PAY Joint Stock Company	2,993,688,525	2,993,688,525	-	-
Others	275,198,577	275,198,577	49,150,000	49,150,000
Total	3,268,887,102	3,268,887,102	49,150,000	49,150,000

Unit: VND

1.17. Advance from customers

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term		
Cokyvina Joint Stock Company	-	104,500,000

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

Hai Duong Livestock Breeding Limited Company	-	96,000,000
Others	926,950,000	2,359,150,000
Total	926,950,000	2,559,650,000

1.18. Taxes and amounts payable to State budget	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Payables</i>		
Output VAT	53,224,253	101,391,080
Personal income tax	1,138,137,222	1,236,516,164
Total	1,191,361,475	1,337,907,244
<i>b) Receivables</i>		
Corporate income tax	268,321,894	62,900,674
Total	268,321,894	62,900,674

1.19. Accrued expenses	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Short-term</i>		
Transaction costs payable to HNX and HOSE	31,573,315	145,653,637
Others expenses	151,229,378	163,269,373
Total	182,802,693	308,923,010

1.20. Other payables	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Short-term</i>		
Brokerage commission	357,447,983	144,077,786
Other payables	10,440,000	196,763,600
Total	367,887,983	340,841,386

1.21. Payables to investors	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Investors deposits for securities trading as managed by securities companies	21,905,200,631	50,885,581,695
- Domestic investors	21,905,171,005	50,885,552,069
- Foreign investors	29,626	29,626
Total	21,905,200,631	50,885,581,695

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

 Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.22. Investors' payables for services to securities companies

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Securities brokerage fees payable	2,009,192	44,542,374
Investment cooperation contract payable	264,820,000	415,840,000
Investment cooperation contract payable	-	24,792,367,600
Total	266,829,192	25,252,749,974

1.23. Investor's payable on loan to securities company

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Margin principal payable	18,413,767,155	6,060,994,584
1.1 Margin principal payable of domestic investors	18,413,767,155	6,060,994,584
1.2 Margin principal payable of foreign investors	-	-
2. Prepayment for securities sales proceeds	435,595,122	16,683,249,540
2.1 Prepayment for securities sales proceeds	435,595,122	16,683,249,540
a. Prepayment for securities sales proceeds of domestic investors	435,595,122	16,683,249,540
Total	18,849,362,277	22,744,244,124

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.24 Borrowings

	01/01/2024	Year to date		Unit: VND 31/12/2024
	Amount	Increase	Decrease	Amount
Short-term				
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (1)	-	36,750,000,000	36,750,000,000	-
Finra Capital Financial Technology Joint Stock Company (2)	-	12,190,000,000	3,330,000,000	8,860,000,000
Total	-	48,940,000,000	40,080,000,000	8,860,000,000

(1) Borrowed from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam under an overdraft contract dated January 31, 2023, overdraft limit is 17.1 billion VND, term until January 17, 2024, interest rate during term is 8.6%/year, collateral is deposit contracts with a total value of 18 billion VND. The loan was paid off during the year.

(2) Loan from Finra Capital Financial Technology Joint Stock Company under contract No. 28102024/HDVV/FC-UP dated October 28, 2024; loan amount, loan term, loan interest rate are agreed upon by the parties and specified in the appendix and attached list corresponding to each loan in each phase; loan purpose is to supplement working capital; loan is unsecured.

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

1.25. Retained earnings	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Realized earnings after tax	24,936,600,724	15,444,090,741
Unrealized earnings	95,111,314	(876,686)
Total	25,031,712,038	15,443,214,055

1.26. Income distribution situation for shareholders or capital contributors

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Undistributed realized profits of previous period	15,444,090,741	14,779,741,858
Realized profits of this period	9,492,509,983	664,348,883
Other decrease adjustments	-	-
Basis of profits distributed to shareholders or capital contributors as of 31/12	24,936,600,724	15,444,090,741

(*) Notes to the items outside the Financial Statements

1.27. Outstanding shares	31/12/2024	01/01/2024
	Share	Share
Ordinary shares		
Outstanding ordinary shares over 01 year	29,682,500	29,682,500
Total	29,682,500	29,682,500

1.28. Treasury stock	31/12/2024	01/01/2024
	Share	Share
Type > 1 year	317,500	317,500
Total	317,500	317,500

1.29. Listed securities deposited at VSD	31/12/2024	01/01/2024
	Share	Share
Type <= 1 year	4,686	126
Total	4,686	126

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

2. Notes on the Statement of Income
2.1. Income
2.1.1 Gains/ losses on sale of financial assets

Unit: VND

No.	List of investments	Number of sales (shares)	Selling Price (VND/share)	Total sales value	Weighted average cost of goods sold as of the end of the trading day	Profit/loss from selling securities this period	Accumulated profit/loss from sale of securities to this period	Profit/loss from sale of securities in previous period
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
I	Listed stocks	497,100	616,740	15,561,710,000	15,497,775,000	63,935,000	(52,565,000)	(116,500,000)
	PVS	12,100	40,300	487,630,000	498,520,000	(10,890,000)	(122,890,000)	(112,000,000)
	PVD	67,900	27,500	1,867,250,000	1,841,890,000	25,360,000	25,360,000	-
	CTR	3,900	130,000	507,000,000	497,040,000	9,960,000	9,960,000	-
	FPT	6,500	134,500	874,250,000	849,650,000	24,600,000	24,600,000	-
	SSI	15,200	26,600	404,320,000	497,800,000	(93,480,000)	(93,480,000)	-
	CEO	-	-	-	-	-	141,500,000	141,500,000
	DIG	104,000	22,916	2,383,300,000	2,557,065,000	(173,765,000)	(173,765,000)	-
	MBB	57,600	25,250	1,454,400,000	1,419,675,000	34,725,000	34,725,000	-
	PDR	63,800	22,250	1,419,550,000	1,376,050,000	43,500,000	43,500,000	-
	HVN	-	-	-	-	-	7,500,000	7,500,000
	DGC	-	-	-	-	-	(26,500,000)	(26,500,000)
	DXG	-	-	-	-	-	(26,000,000)	(26,000,000)
	HCM	76,000	30,650	2,329,400,000	2,186,290,000	143,110,000	143,110,000	-
	LPB	59,100	31,874	1,883,760,000	1,822,735,000	61,025,000	61,025,000	-
	MSN	16,000	77,350	1,237,600,000	1,249,560,000	(11,960,000)	(11,960,000)	-
	VCI	15,000	47,550	713,250,000	701,500,000	11,750,000	11,750,000	-
	VND	-	-	-	-	-	(101,000,000)	(101,000,000)
	Total	497,100	616,740	15,561,710,000	15,497,775,000	63,935,000	(52,565,000)	(116,500,000)

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh, Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

2.1.2 Financial assets re-valuation difference

Unit: VND

No.	Financial assets	Book value	Marker value or fair value	Current re-valuation difference	Prior year valuation difference	Current book adjustment difference
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	FVTPL financial assets	23,760,186	118,871,500	95,111,314	(876,686)	95,988,000
I	Listed financial assets	23,760,186	118,871,500	95,111,314	(876,686)	95,988,000
	HAI	16,820	13,500	(3,320)	(3,320)	-
	FLC	427,921	70,000	(357,921)	(357,921)	-
	ROS	270,000	-	(270,000)	(270,000)	-
	MMC	245,445	-	(245,445)	(245,445)	-
	SSI	22,800,000	118,788,000	95,988,000	-	95,988,000
	Total	23,760,186	118,871,500	95,111,314	(876,686)	95,988,000

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

 Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

2.1.3 Dividend, profit from FVTPL financial assets, lending, HTM, AFS accounts

<i>Revenue from other activities</i>	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
FVTPL financial assets	3,648,018,593	2,744,236,164
Lending	1,951,570,653	816,341,104
Total	5,599,589,246	3,560,577,268

2.1.4 Revenue other than income from financial assets

<i>Revenue from other activities</i>	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Income from other activities	604,136,888	472,885,424
Total	604,136,888	472,885,424

2.2. Expenses other than the expenses of financial assets

<i>Expenses from other activities</i>	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Service provision operating costs	(10,992,365,630)	7,145,924
Total	(10,992,365,630)	7,145,924

2.3. Financial income

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest income	32,210,260	23,618,391
Total	32,210,260	23,618,391

2.4. Service rendering expenses

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Securities brokerage	9,271,292,852	8,673,749,420
Securities investment consulting	446,728,132	254,236,537
Securities depository	268,155,921	323,466,998
Financial advisory	3,958,221,347	1,633,127,150
Total	13,944,398,252	10,884,580,105

2.5. Financial expenses

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest expenses	117,487,009	394,260,108
Total	117,487,009	394,260,108

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

2.6. General and administrative expenses

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Management staff costs	9,600,670,483	4,025,662,132
Tools, instruments costs	41,167,412	18,957,813
Depreciation expenses	144,089,665	172,543,043
Tax, fees, charges	443,847,967	300,205,274
Outsource service costs	4,989,106,129	2,713,977,227
Others in cash	87,800,000	189,070,000
Total	15,306,681,656	7,420,415,489

2.7. Other incomes

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Fixed asset liquidation	468,398,585	-
Other incomes	500,000	-
Total	468,898,585	-

2.8. Other expenses

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Administrative fines	-	40,000,000
Total	-	40,000,000

2.9. Corporate income tax expenses

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Current corporate income tax expenses	-	176,086,691
Current taxable income assessable corporate income tax expenses	-	176,086,691
Adjustment of prior years' corporate income tax expenses to current corporate income tax expenses	-	-
Total current corporate income tax expenses	-	176,086,691

2.10. Accumulated operating profit

Items	01/01/2024	Amount	Equity changed and recognized into operating profit	Unit: VND 31/12/2024
Retained earnings	15,443,214,055	9,588,497,983	-	25,031,712,038
Total	15,443,214,055	9,588,497,983	-	25,031,712,038

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

3. Other information
3.1 Subsequent events after balance sheet date

According to Decision No. 03/2025/NQ-HĐQT and Decision No. 04/2025/NQ - HĐQT dated January 20, 2025, the Company decided to dismiss Mr. Nguyen Quang Dat from the position of General Director and appoint Mr. Tran Van Chien to the position of General Director. Therefore, Mr. Tran Van Chien will be responsible for signing the Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2024.

According to Decision No. 09/2025/NQ-HĐQT dated February 19, 2025, the Company decided to appoint Mrs. Hoang Thi Mai Huong to the position of Chief Accountant. Therefore, Mrs. Hoang Thi Mai Huong will be responsible for signing the Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2024.

The Board of Directors confirm that, in the Board's opinion in all material respects, there have been no significant events occurring after the balance sheet date which cause effects on the Company's financial position and operating results and would require adjustments to or disclosures to be made in the Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2024.

3.2 Related-party information
Remunerations of key management members

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Remunerations of key management members	1,305,581,649	270,849,000
Total	1,305,581,649	270,849,000

Details of the key management members' income are as follows:

		Year 2024 VND	Year 2023 VND
Remunerations of Board of Directors			
Name	Title		
Tran Van Chien	General Director (Appointed on 20/01/2025)	883,488,095	-
Tran Thi Thu Huong	General Director (Dismissed on 20/6/2024)	123,721,000	270,849,000
Tran Duc Nam	Deputy General Director (Appointed on 30/6/2024 and Dismissed on 12/12/2024)	298,372,554	-

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Hapro Building, 11B Cat Linh,
Dong Da District, Hanoi

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31/12/2024

Form B09 - CTCK

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS *(continued)*

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying Financial Statements.)

3.3 Comparative figures

The comparative figures are from the Financial Statements of the Company for the fiscal year ended December 31, 2023 audited by Vietnam Auditing and Evaluation Co., Ltd.

Hanoi, February 25th, 2025

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Prepared by

Chief Accountant

General Director



Kim Ngoc Huyen



Hoang Thi Mai Huong



Tran Van Chien

